

**Bản tin**

# **Thông tin Thương mại**

**Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương**

**Thông tin chọn lọc, theo yêu cầu của các đơn vị, doanh nghiệp chuyên ngành Sản phẩm gỗ và Hàng thủ công mỹ nghệ**

*Số 14 ra ngày 4/4/2022*

*Trong số này:*

*Trang*

**ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**  
**TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI - BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**Phòng Thông tin Xuất nhập khẩu**  
655 Phạm Văn Đồng – Bắc Từ Liêm – Hà Nội  
**Bộ phận biên tập:**  
Tel: (024) 22192875  
Phụ trách nội dung  
ĐT: 0986836889  
**Bộ phận tư vấn thông tin và phát hành:**  
Tel: (024) 37152586  
(024) 37152585  
(024) 37152584  
Fax: (024) 37152574

<b>THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN.....</b>	<b>2</b>
<b>THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN3</b>	
<b>TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU .....</b>	<b>4</b>
<i>Quý I/2022, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU tăng.....</i>	<i>4</i>
<i>Xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ tăng nhẹ .....</i>	<i>9</i>
<i>Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần .....</i>	<i>12</i>
<i>3 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu gỗ sồi giảm cả về lượng và trị giá ....</i>	<i>15</i>
<i>Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần .....</i>	<i>17</i>
<i>Quý I/2022, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ tăng mạnh .....</i>	<i>19</i>
<i>Xuất khẩu hàng gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ .....</i>	<i>23</i>
<b>THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ .....</b>	<b>25</b>
<i>Quy mô thị trường đồ nội thất toàn cầu dự báo đạt 945,53 tỷ USD vào năm 2030 .....</i>	<i>25</i>
<i>Anh áp thuế bổ sung 35% đối với gỗ từ Nga và Belarus.....</i>	<i>26</i>
<b>THAM KHẢO .....</b>	<b>27</b>
<i>Bộ Công Thương ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng vệ thương mại trong Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực .....</i>	<i>27</i>
<i>Hướng dẫn mới nhất của Bộ Tài chính về giảm thuế giá trị gia tăng.....</i>	<i>28</i>

**Đề nghị không sao chép dưới mọi hình thức.  
Doanh nghiệp có ý kiến phản hồi xin gửi về Ban biên tập**

## THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN

### 1. Kinh tế thế giới

Kinh tế thế giới tuần qua ghi nhận những diễn biến trái chiều trong bối cảnh quá trình đàm phán để chấm dứt xung đột giữa Nga và Ucraina đã đạt được một số tiến triển tích cực, trong khi chính sách “Zero Covid” của Trung Quốc đang chịu nhiều sức ép trước sự bùng phát của dịch bệnh tại hàng loạt khu vực. Trong tuần qua, nền kinh tế lớn thứ hai thế giới tiếp tục áp dụng biện pháp phong tỏa ở nhiều địa phương để chống đợt bùng phát dịch Covid-19 do biến chủng Omicron. Ngày 28/3/2022, chính quyền thành phố Thượng Hải - trung tâm tài chính lớn nhất của Trung Quốc đã thông báo phong tỏa từng phần trong vòng 9 ngày để kiểm soát đà lây lan của dịch bệnh Covid-19. Diễn biến này gây ra những lo ngại mới về chuỗi cung ứng vốn đã căng thẳng và chưa thể hồi phục trong giai đoạn trước đó.

Sự suy yếu của nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu ở Trung Quốc do ảnh hưởng bởi các lệnh phong tỏa đã khiến giá dầu thô toàn cầu giảm bớt. Mặc dù vậy, đến thời điểm này giá dầu vẫn tăng khoảng 50% so với thời điểm đầu năm 2022, trong khi hàng loạt hàng hóa cơ bản cũng tăng lên những mức cao nhất trong nhiều năm qua. Diễn biến này đã tác động tiêu cực tới đà phục hồi của kinh tế toàn cầu sau giai đoạn đình trệ vì dịch Covid-19. Bên cạnh đó, việc giá dầu và hàng hóa tăng mạnh cũng kéo theo nhiều hệ lụy không thể tránh khỏi, đó là lạm phát tăng, giá thực phẩm và dịch vụ tăng, chuỗi cung ứng vốn đã tắc nghẽn nay càng khó khăn.

Tại Mỹ, số liệu vĩ mô được công bố trong tuần qua đã củng cố xu hướng tăng trưởng tích cực của nền kinh tế hàng đầu thế giới cho dù lạm phát đang ở mức cao. Theo số liệu điều chỉnh của Bộ Thương mại Mỹ, trong quý IV/2021, kinh tế Mỹ tăng 6,9% và tính chung cả năm 2021, nền kinh tế Mỹ ghi nhận mức tăng trưởng 5,7%, mức tăng mạnh nhất kể từ năm 1984. Thị trường lao động Mỹ tiếp tục cải thiện mạnh mẽ. Trong tháng 2/2022, có thêm 11,266 triệu yêu cầu tuyển dụng, cao hơn so với mức ước tính 11 triệu yêu cầu trước đó. Diễn biến tích cực trên thị trường lao động đã “xóa mờ” lo ngại của người dân Mỹ về tình trạng lạm phát cao kỷ lục đang gây rủi ro cho đà tăng trưởng, giúp cho niềm tin của người tiêu dùng Mỹ tăng từ 105,7 điểm trong tháng 2/2022 lên 107,2 điểm trong tháng 3/2022.

Tại Nhật Bản, kinh tế nước này vẫn trong xu hướng hồi phục trong giai đoạn hậu Covid-19, tuy nhiên tốc độ hồi phục còn khá chậm. Mặc dù thị trường lao động ghi nhận diễn biến tích cực hơn với tỷ lệ thất nghiệp trong tháng 2/2022 đã giảm nhẹ từ 2,8% xuống còn 2,7%, nhưng hoạt động sản xuất và tiêu dùng của Nhật Bản nhìn chung vẫn yếu. Sản lượng công nghiệp của Nhật Bản trong tháng 2/2022 chỉ tăng nhẹ 0,2% so với cùng kỳ năm trước và tăng 0,1% so với tháng 1/2022, mặc dù cải thiện so với mức giảm 1,3% trong tháng trước, nhưng vẫn thấp hơn so với mức kỳ vọng tăng 0,5%. Doanh thu bán lẻ của Nhật Bản trong tháng 2/2022 đã giảm 0,8% so với cùng kỳ năm trước, giảm mạnh hơn so với mức dự kiến giảm 0,3%.

Để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, Chính phủ Nhật Bản hiện đang cân nhắc chi 1.000 tỷ Yên (khoảng 8,1 tỷ USD) cho gói kích thích kinh tế mới nhằm giảm thiểu các tác động của việc giá năng lượng, thực phẩm và hàng hóa tăng đột biến trong thời gian qua. Trước đó, Thủ tướng Nhật Bản đã chỉ thị cho các bộ trưởng soạn thảo gói kích thích kinh tế mới. Để tài trợ cho gói kích thích kinh tế mới, Chính phủ Nhật Bản dự định sẽ sử dụng một phần quỹ dự phòng có tổng trị giá 5.500 tỷ Yên trong ngân sách của tài khóa 2022.

### 2. Kinh tế trong nước

Kinh tế trong nước kết thúc quý I/2022 với những kết quả khả quan, cho thấy sự hồi phục rõ nét sau giai đoạn “đình” dịch và là yếu tố quan trọng để nền kinh tế bước vào quý II với những nền tảng vững vàng hơn.

## **Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

GDP trong quý I/2022 tăng 5,03% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 4,72% của quý I/2021 và 3,66% của quý I/2020. Trong đó, các ngành công nghiệp, nông nghiệp vẫn tiếp tục tăng trưởng mạnh và đóng góp lớn vào tốc độ tăng trưởng chung. Đặc biệt, khu vực dịch vụ trong quý I/2022 khởi sắc rõ rệt khi nhiều hoạt động dịch vụ sôi động trở lại. Cụ thể: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,45%, đóng góp 5,76% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,38%, đóng góp 51,08%; khu vực dịch vụ tăng 4,58%, đóng góp 43,16%.

Đáng chú ý, hoạt động tín dụng tăng nhanh đã đóng góp nguồn lực đáng kể vào tốc độ phục hồi của nền kinh tế. Trong quý I/2022, tăng trưởng tín dụng đã đạt mức cao kỷ lục 4,03%, tăng vọt so với mức tăng 1,47% cùng thời điểm năm 2021 và cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng trung bình 1,99% vào thời điểm cuối tháng 3 hàng năm trong giai đoạn thống kê từ năm 2015 tới nay.

Kinh tế vĩ mô tiếp tục được kiểm soát tốt, lạm phát trong quý I/2022 chỉ tăng 1,92% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 0,29% của quý I/2021 nhưng thấp hơn mức tăng của quý I các năm trong giai đoạn 2017-2020 và cũng thấp hơn nhiều so với mục tiêu 4% đã đặt ra, cho dù chịu ảnh hưởng của việc tăng giá xăng dầu và hàng hóa.

Hoạt động sản xuất và tiêu dùng cũng tăng tốc. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong quý I/2022 tăng 7,07% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,79%, tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt tăng trưởng của toàn ngành. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 1,6%.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/3/2022 đạt 8,91 tỷ USD, giảm 12,1% so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên vốn FDI thực hiện tại Việt Nam trong quý I/2022 ước tính đạt 4,42 tỷ USD, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức cao nhất của quý I trong 5 năm qua. Đây là động lực quan trọng đóng góp cho tăng trưởng kinh tế năm 2022.

Với diễn biến tích cực trong quý I/2022, kỳ vọng tăng trưởng quý II/2022 sẽ tiếp tục cải thiện và có triển vọng tích cực hơn. Mặc dù vậy, áp lực lạm phát trong những tháng còn lại của năm khá lớn trong bối cảnh hiện nay vẫn còn những rủi ro từ cuộc xung đột Nga – Ucraina, nhu cầu thế giới tăng cao nhưng chuỗi cung ứng lại bị ảnh hưởng dẫn đến giá cả hàng hóa leo thang. Do đó, trong thời gian tới, công tác quản lý, điều hành giá sẽ là yếu tố quan trọng hàng đầu và sẽ tiếp tục được thực hiện một cách thận trọng, chủ động và linh hoạt nhằm bảo đảm kiểm soát tốc độ tăng CPI bình quân năm 2022 ở mức khoảng 4% theo mục tiêu Quốc hội đề ra.

## **THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN TRONG NƯỚC:**

- Ước tính, tháng 3/2022 kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tới thị trường EU đạt 71,3 triệu USD, tăng 0,4% so với tháng 3/2021. Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng 3/2022, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU ước đạt 198,6 triệu USD, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm 2021.
- Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ trong tháng 3/2022 ước đạt 225 triệu USD, tăng 0,6% so với tháng 3/2021. Tính chung, 3 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ ước đạt 578 triệu USD, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm 2021.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần đạt 428,7 triệu USD, tăng 9% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 299,1 triệu USD, tăng 6,2% so với tuần trước.
- Theo số liệu thống kê, nhập khẩu gỗ sồi của Việt Nam tháng 3/2022 ước đạt 16,5

## Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 10,0 triệu USD, tăng 14,9% về lượng và tăng 15,2% về trị giá so với tháng 02/2022; so với tháng 3/2021 giảm 49,6% về lượng và giảm 41,1% về trị giá. Tính chung 3 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu gỗ sồi đạt 50,0 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 29,8 triệu USD, giảm 41,5% về lượng và giảm 30,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Trong tuần từ ngày 22/3/2022 đến 30/3/2022, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 59,3 triệu USD, tăng 7,2% so với tuần trước.

- Xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ trong tháng 3/2022 tăng mạnh, ước đạt 28 triệu USD, tăng 93,5% so với tháng 02/2022; tăng 27,9% so với tháng 3/2021. Tính chung trong 3 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ đạt 75,92 triệu USD, tăng 20,3% so với cùng kỳ năm 2021.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ từ ngày 08/3/2022 đến 22/3/2022 đạt 13,63 triệu USD, tăng 17,2% so với kỳ trước (từ 22/02/2022 đến 08/3/2022).

### QUỐC TẾ:

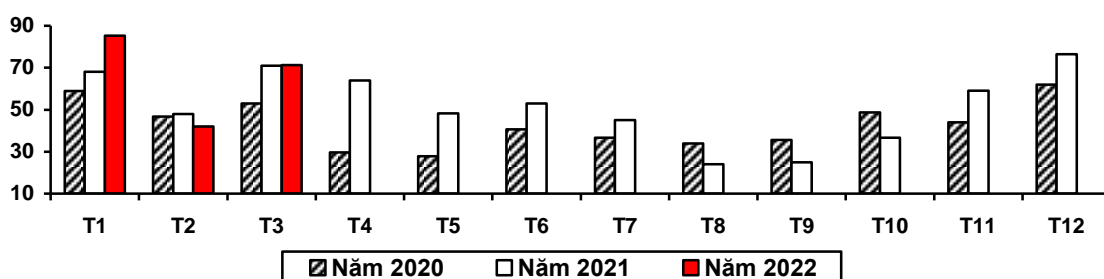
- **Thế giới:** Quy mô thị trường đồ nội thất toàn cầu đạt 637,26 tỷ USD trong năm 2021, dự báo đạt 945,53 tỷ USD vào năm 2030, với tốc độ tăng trưởng bình quân 4,5%/năm trong giai đoạn 2022 – 2030.
- **Anh:** Anh áp mức thuế bổ sung 35% đối với tất cả gỗ và sản phẩm gỗ (cùng nhiều sản phẩm khác) có xuất xứ từ Nga và Belarut bắt đầu từ ngày 25/3/2022. Mức thuế bổ sung được áp dụng bao gồm tất cả các sản phẩm gỗ hiện đang phải chịu thuế như gỗ dán hoặc OSB và các sản phẩm gỗ không phải chịu thuế như gỗ tròn, gỗ xẻ và các sản phẩm gỗ chế biến bao gồm cả Glulam.

## TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU

### Quý I/2022, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU tăng

Ước tính, tháng 3/2022 kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tới thị trường EU đạt 71,3 triệu USD, tăng 0,4% so với tháng 3/2021. Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng 3/2022, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU ước đạt 198,6 triệu USD, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm 2021.

#### Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU năm 2020 - 2022 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan-ước tính tháng 3/2022

Tình hình xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU trong 2 tháng đầu năm 2022.

Trước những diễn biến phức tạp về tình hình dịch bệnh và căng thẳng địa chính trị gia tăng, nhưng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU vẫn tăng khá trong 2 tháng đầu năm 2022. Trong đó, đồ nội thất bằng gỗ là nhóm hàng chính xuất khẩu sang thị trường này đạt 104,3 triệu USD, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 82% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Hầu hết các mặt hàng trong cơ cấu mặt hàng đồ nội

thất bằng gỗ xuất khẩu sang thị trường EU đều có kim ngạch tăng trong 2 tháng đầu năm 2022, trừ mặt hàng đồ nội thất văn phòng. Nhóm hàng đồ nội thất bằng gỗ là những dòng sản phẩm đem lại giá trị gia tăng cao, do đó các doanh nghiệp ngành gỗ đang tập trung đẩy mạnh xuất khẩu nhóm hàng này sang thị trường EU. Ngoài ra, trong 2 tháng đầu năm 2022, gỗ, ván và ván sàn, đồ gỗ mỹ nghệ, khung gương xuất khẩu sang thị trường EU tăng rất mạnh so với cùng kỳ năm 2021.

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU tăng trưởng khả quan, do sức mua tại thị trường này đang phục hồi tốt. Trong đó, nhóm hàng đồ nội thất bằng gỗ đang có xu hướng tăng mạnh tại thị trường EU. Theo số liệu thống kê từ Eurostats, trong năm 2021 nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của EU đạt 8,6 triệu tấn, trị giá 22,6 triệu Eur (tương đương 25,3 triệu USD), tăng 23,4% về lượng và tăng 19,2% về trị giá so với năm 2020. EU tăng nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường ngoài khối, dẫn đầu là thị trường Trung Quốc, Ukraina, Thổ Nhĩ Kỳ... EU nhập khẩu từ Việt Nam đạt 136,4 nghìn tấn, trị giá 492,5 triệu Eur (tương đương 551,6 triệu USD), tăng 3,6% về lượng, tăng 14,7% về trị giá so với năm 2020. Tỷ trọng nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ Việt Nam chỉ chiếm 2% tổng lượng nhập khẩu của EU trong năm 2021, vẫn còn rất thấp so với nhu cầu nhập khẩu của EU. Vì vậy, các doanh nghiệp ngành gỗ của Việt Nam có nhiều cơ hội mở rộng thị phần tại thị trường này.

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, đặc biệt là nhóm hàng đồ nội thất bằng gỗ tới thị trường EU có nhiều thuận lợi trong thời gian tới. Tuy nhiên doanh nghiệp ngành gỗ cần tận dụng triệt để những cơ hội này để gia tăng thị phần tại EU. Trước tiên là cơ hội mang lại khi Trung Quốc quốc gia đứng đầu về xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường EU vẫn đang thực hiện chính sách “Zero Covid-19”, theo đó nước này đang áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ tình hình dịch bệnh, nên hoạt động sản xuất và xuất khẩu của nước này bị gián đoạn. Tiếp theo, các nhà chế biến gỗ của châu Âu đang gặp khó khăn về nguồn nguyên liệu gỗ từ Nga do ảnh hưởng từ cuộc xung đột giữa Nga và Ukraina, dẫn đến sức cạnh tranh giảm sút đáng kể, đây là cơ hội cho doanh nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu của Việt Nam tăng tốc vào thị trường này. Không những vậy, nguồn nguyên liệu trong nước đã và đang phát huy vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu các bất ổn do nguồn gỗ nhập khẩu mang lại. Bên cạnh đó, vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam cũng ngày càng tăng, cộng với sự chủ động về công nghệ sản xuất và nguyên liệu gỗ đầu vào sẽ là động lực cho hoạt động chế biến, xuất khẩu gỗ Việt Nam. Cùng với đó, Hiệp định thương mại tự do EVFTA giữa EU và Việt Nam đang tác động rất thuận lợi cho ngành gỗ Việt Nam, tạo lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm ngành gỗ khi mức thuế giảm dần về bằng 0%. Việc này cũng tạo lực hút đầu tư từ khu vực EU vào Việt Nam.

Hiện tại, nhiều công ty trong ngành gỗ đã nhận đơn hàng xuất khẩu sang EU tới hết quý III/2022 và vẫn đang tiếp tục nhận đơn hàng trong quý IV/2022. Tuy nhiên, chi phí logistics đang tăng nhanh nên giá thành sản phẩm rất cao, nhiều đơn hàng hợp đồng trước bị biến động giá nguyên liệu nên doanh nghiệp bị giảm lợi nhuận và thậm chí thua lỗ. Mặc dù có nhiều cơ hội để đẩy mạnh xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường EU, nhưng do tình hình dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp, cộng thêm những biến động về chính trị thế giới thời gian gần đây cũng đang ảnh hưởng cho chuỗi cung ứng, nguồn cung nguyên liệu và chi phí logistics. Điều này sẽ làm cản trở tăng trưởng của ngành gỗ sang thị trường EU trong thời gian tới.

**Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2022**

Mặt hàng	Tháng 02/2022 (nghìn USD)	So với tháng 02/2021 (%)	2 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
					2T/2022	2T/2021
<b>Tổng</b>	<b>41.966</b>	<b>-12,9</b>	<b>127.219</b>	<b>9,7</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>



**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Mặt hàng	Tháng 02/2022 (nghìn USD)	So với tháng 02/2021 (%)	2 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
					2T/2022	2T/2021
<b>Đồ nội thất bằng gỗ</b>	<b>34.627</b>	<b>-16,8</b>	<b>104.268</b>	<b>5,3</b>	<b>82,0</b>	<b>85,4</b>
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	16.388	-19,0	50.455	2,3	39,7	42,5
Ghế khung gỗ	13.738	-12,2	39.843	8,9	31,3	31,5
Đồ nội thất phòng ngủ	2.344	-17,6	7.293	3,2	5,7	6,1
Đồ nội thất nhà bếp	1.410	-17,8	4.022	29,1	3,2	2,7
Đồ nội thất văn phòng	748	-36,4	2.655	-11,3	2,1	2,6
Gỗ, ván và ván sàn	4.848	55,5	16.094	54,8	12,7	9,0
Đồ gỗ mỹ nghệ	537	18,7	1.529	47,1	1,2	0,9
Khung gương	17	-37,3	64	26,0	0,1	0,0
Cửa gỗ	0	-100,0	49	-81,9	0,0	0,2

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

Trong cơ cấu thị trường xuất khẩu, Đức luôn là thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ chính của Việt Nam trong khối EU. Trong 2 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Đức đạt 27 triệu USD, tăng 5,5% so với cùng kỳ năm 2021. Tiếp theo là thị trường Pháp đạt 23,6 triệu USD, giảm 1%; Hà Lan đạt 19,4 triệu USD, tăng 12,2%; Bỉ đạt 13 triệu USD, tăng 40,4%...

Đáng chú ý, trong 2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Bỉ chiếm 10,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang EU, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng sang thị trường này ở mức cao. Với hệ thống giao thông, cầu cảng hiện đại cùng vị trí thuận lợi Bỉ được coi là cửa ngõ, trung tâm trung chuyển hàng hóa của khu vực EU. Chính vì vậy, nhu cầu nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, đặc biệt là nhóm hàng đồ nội thất bằng gỗ của Bỉ cũng rất lớn, vừa nhập khẩu tiêu thụ trong nước vừa tái xuất. Do đó, Bỉ là thị trường rất tiềm năng để các doanh nghiệp ngành gỗ đẩy mạnh xuất khẩu trong thời gian tới.

**Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới các thị trường EU trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2022**

Thị trường	Tháng 02/2022 (nghìn USD)	So với tháng 02/2021 (%)	2 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
					2T/2022	2T/2021
<b>Tổng</b>	<b>41.966</b>	<b>-12,9</b>	<b>127.219</b>	<b>9,7</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Đức	7.090	-38,6	27.049	5,5	21,3	22,1
Pháp	7.763	-22,2	23.561	-1,0	18,5	20,5
Hà Lan	6.517	-14,9	19.431	12,2	15,3	14,9
Bỉ	4.163	20,6	13.022	40,4	10,2	8,0
Đan Mạch	3.662	25,8	10.032	18,9	7,9	7,3
Thụy Điển	2.393	-0,1	6.646	19,4	5,2	4,8
Tây Ban Nha	2.096	-16,5	6.208	-12,0	4,9	6,1
Italia	2.137	-10,3	5.925	6,3	4,7	4,8
Ba Lan	1.890	-11,7	5.013	7,6	3,9	4,0
Ai Len	1.706	12,1	3.874	7,3	3,0	3,1
Rumani	533	65,8	1.242	69,3	1,0	0,6
Hy Lạp	333	75,7	957	102,0	0,8	0,4
Bồ Đào Nha	507	831,8	832	11,8	0,7	0,6

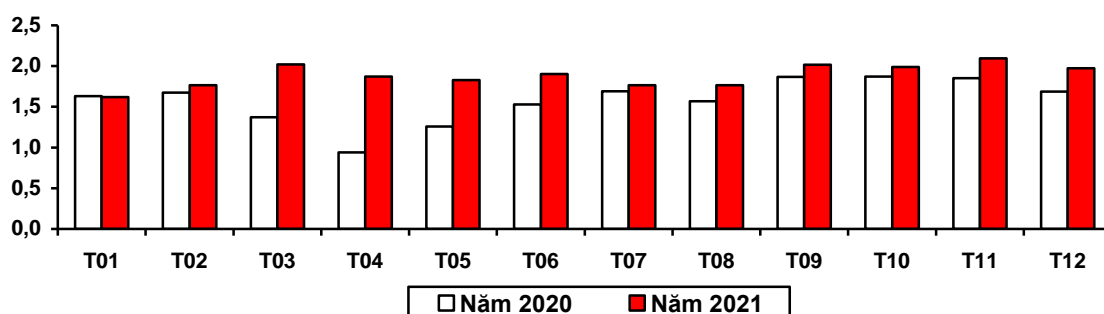
**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Tháng 02/2022 (nghìn USD)	So với tháng 02/2021 (%)	2 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
					2T/2022	2T/2021
Croatia	386	261,8	754	94,9	0,6	0,3
Slovenia	154	-24,3	651	84,5	0,5	0,3
Bungari	179	74,4	534	45,8	0,4	0,3
Phần Lan	160	-20,9	509	97,4	0,4	0,2
Cộng Hoà Séc	149	-40,5	390	-44,1	0,3	0,6
Hunggary	63	188,9	137	-5,3	0,1	0,1
Látvia	33	-31,6	118	-1,7	0,1	0,1
Lítva	35	-63,6	95	-62,1	0,1	0,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**Tình hình nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của EU năm 2020 - 2021**

(ĐVT: tỷ Eur)



Nguồn: Eurostat

**Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ EU nhập khẩu trong năm 2021**

Mặt hàng (mã HS)	Năm 2021			So với năm 2020 (%)		Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn Eur)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Năm 2021	Năm 2020
<b>Tổng</b>	<b>8.607.624</b>	<b>22.604.812</b>	<b>25.317.390</b>	<b>23,4</b>	<b>19,2</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
940360	4.023.050	9.257.920	10.368.870	12,8	19,5	46,7	51,1
940161 + 940169	2.173.216	6.815.565	7.633.433	74,2	22,4	25,2	17,9
940350	1.236.120	3.032.368	3.396.252	11,2	17,0	14,4	15,9
940340	836.119	2.464.706	2.760.471	14,2	16,5	9,7	10,5
940330	339.119	1.034.254	1.158.364	6,7	10,2	3,9	4,6

(Nguồn: Eurostat - Tỷ giá 1 Eur = 1,12 USD)

**Thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ cho EU trong năm 2021**

Thị trường	Năm 2021			So với năm 2020 (%)		Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn Eur)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Năm 2021	Năm 2020
<b>Tổng</b>	<b>8.607.624</b>	<b>22.604.812</b>	<b>25.317.390</b>	<b>23,4</b>	<b>19,2</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
<b>EU</b>	<b>6.397.012</b>	<b>16.461.858</b>	<b>18.437.281</b>	<b>24,7</b>	<b>14,9</b>	<b>72,8</b>	<b>75,6</b>
Ba Lan	1.937.913	4.677.688	5.239.010	5,1	12,4	20,7	22,0
Lítva	1.347.409	902.163	1.010.423	174,7	26,3	4,0	3,8
Đức	787.912	3.215.875	3.601.780	21,3	17,1	14,2	14,5

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Năm 2021			So với năm 2020 (%)		Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn Eur)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Năm 2021	Năm 2020
Italia	448.316	1.655.210	1.853.835	4,7	15,5	7,3	7,6
Rumani	264.379	749.838	839.818	18,9	23,7	3,3	3,2
Thụy Điển	243.903	434.313	486.430	4,4	11,4	1,9	2,1
Đan Mạch	194.907	650.817	728.915	14,2	20,4	2,9	2,9
Hà Lan	188.589	704.816	789.394	19,1	13,8	3,1	3,3
Tây Ban Nha	173.531	480.659	538.338	-3,2	7,5	2,1	2,4
Bỉ	136.624	623.305	698.102	3,6	17,2	2,8	2,8
Slovakia	116.135	319.478	357.815	-1,9	8,3	1,4	1,6
Bồ Đào Nha	112.356	296.711	332.317	15,0	21,5	1,3	1,3
Pháp	83.418	412.912	462.462	30,2	19,5	1,8	1,8
CH.Séc	78.286	247.841	277.582	-1,2	6,9	1,1	1,2
...							
Trung Quốc	995.891	2.884.144	3.230.241	21,7	40,4	12,8	10,8
Ukraina	195.770	290.742	325.631	39,0	47,0	1,3	1,0
Thổ Nhĩ Kỳ	153.551	377.289	422.564	38,5	44,8	1,7	1,4
Bêlarút	139.035	219.901	246.289	27,5	48,9	1,0	0,8
Việt Nam	136.365	492.518	551.620	3,6	14,7	2,2	2,3
Ấn Độ	102.185	316.841	354.862	38,4	53,8	1,4	1,1
Indonesia	84.484	390.946	437.860	11,4	40,2	1,7	1,5
Bosnia và Herzegovina	80.091	250.559	280.626	14,5	22,7	1,1	1,1
Serbia	73.421	161.669	181.069	9,4	16,5	0,7	0,7
Nga	56.111	85.931	96.243	23,2	34,0	0,4	0,3
Malaysia	47.431	95.001	106.401	-3,7	9,1	0,4	0,5
Braxin	31.611	59.393	66.520	14,5	21,6	0,3	0,3
Anh	29.632	173.784	194.638	-37,3	-18,3	0,8	1,1
Thụy Sĩ	14.321	79.204	88.708	-4,7	-6,4	0,4	0,4
Moldova	13.074	27.861	31.205	17,6	25,0	0,1	0,1
Albania	10.552	19.644	22.001	17,3	23,1	0,1	0,1
Bắc Macedonia	8.617	19.025	21.308	15,1	37,7	0,1	0,1
Thái Lan	6.730	25.351	28.393	-33,3	-10,8	0,1	0,1
Hồng Kông	4.188	16.112	18.046	63,8	111,8	0,1	0,0
Na Uy	4.150	65.135	72.951	16,6	21,0	0,3	0,3
Đài Loan	3.070	10.689	11.972	13,3	35,7	0,0	0,0
Marôc	2.740	4.488	5.026	132,8	53,5	0,0	0,0
Philippine	2.707	7.682	8.604	-10,0	25,6	0,0	0,0
Kosovo	2.670	7.638	8.554	74,1	57,4	0,0	0,0
Âi Cập	2.212	5.481	6.139	32,8	43,1	0,0	0,0
Mỹ	1.967	19.989	22.388	-24,3	-4,2	0,1	0,1

(Nguồn: Eurostat - Tỷ giá 1 Eur = 1,12 USD)

**Doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đạt kim ngạch cao sang thị trường EU trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2022**

Doanh nghiệp xuất khẩu	Tháng 02/2022 (nghìn USD)	2 tháng năm 2022 (nghìn USD)
XÍ NGHIỆP THẮNG LỢI - CHI NHÁNH CTY CỔ PHẦN PHÚ TÀI	2.577	6.407



**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

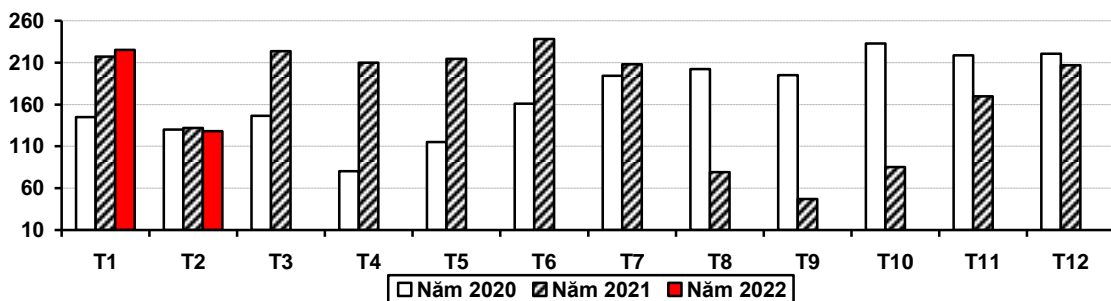
Doanh nghiệp xuất khẩu	Tháng 02/2022 (nghìn USD)	2 tháng năm 2022 (nghìn USD)
CTY CỔ PHẦN LÂM SẢN NAM ĐỊNH	1.840	4.997
CTY TNHH NỘI THẤT MỀ KÔNG.	1.959	4.310
CTY TNHH SCANCOM VIỆT NAM	959	3.977
CTY CỔ PHẦN WOODSLAND	1.252	3.699
CHI NHÁNH TẠI ĐỒNG NAI - CTY TNHH ĐỒ GỖ NGHĨA SƠN	304	3.342
CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POU SUNG VIỆT NAM	1.325	2.452
CTY TNHH THƯƠNG MẠI NHÂN HOÀNG	834	2.079
CTY TNHH HIỆP LONG	552	2.058
CTY TNHH SCANSIA PACIFIC	869	2.004
CTY TNHH MTV SX - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ QUANG DŨNG	666	1.885
CTY CP CẨM HÀ	861	1.835
CTY CỔ PHẦN ĐỒ GỖ NGHĨA SƠN	577	1.764
CTY CỔ PHẦN FORIMEX THỊNH HOÀNG	646	1.742
CTY TNHH SẢN XUẤT ĐỒ GỖ XUẤT KHẨU	709	1.612
CTY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TÂM PHÚ	240	1.597
CTY TNHH PHÁT TRIỂN	719	1.528
CTY TNHH ĐỨC TOÀN	145	1.485
CTY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ GỖ ĐẠI THÀNH	651	1.387
CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DAFI	492	1.298
CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TIẾN PHONG CAM LỘ	119	1.295
CTY TNHH STEELFLEX	418	1.152
CTY TNHH THIÊN BẮC	83	1.147
CTY TNHH SẢN XUẤT THỊNH VIỆT.	215	1.125
CTY TNHH TRƯỜNG SƠN	387	1.123
CTY TNHH SX-TM & XNK THIÊN MINH	268	1.059
CTY TNHH DEWBERRY (VIỆT NAM)	429	1.039
CTY TNHH MEUBLES DEMEYERE VIỆT NAM	255	990
CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHƯƠNG NGUYỄN	264	981
CTY CỔ PHẦN GỖ MINH DƯƠNG	203	972

*(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)***Xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ tăng nhẹ**

Ước tính, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ trong tháng 3/2022 đạt 225 triệu USD, tăng 0,6% so với tháng 3/2021. Tính chung, 3 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ ước đạt 578 triệu USD, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm 2021.

Ngành gỗ nói chung và mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ nói riêng, mặc dù kín đơn hàng đến quý III/2022, thậm chí hết năm, nhưng hàng loạt vấn đề về giá nguyên liệu sản xuất, chi phí logistics tăng cao... khiến nhiều doanh nghiệp ngành hàng này chịu áp lực lớn. Hiện nay, giá nguyên liệu đầu vào cao mặc dù 70% nguyên liệu của ngành gỗ nội thất Việt Nam được sử dụng bằng nguồn gỗ nguyên liệu trong nước. Bên cạnh đó, chi phí giá nhân công và logistics cũng tăng. Trong đó, giá logistics chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, thậm chí còn leo thang do khủng hoảng bởi xung đột giữa Nga và Ucraina. Do đó, xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ dự báo sẽ gặp nhiều khó khăn trong thời gian tới.

**Tình hình xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ của Việt Nam qua các tháng năm 2020 – 2022 (ĐVT: triệu USD)**



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan-ước tính tháng 3/2022

**Mặt hàng xuất khẩu**

Giường, bộ phận giường và tủ dùng trong phòng ngủ là 2 mặt hàng xuất khẩu chính trong 2 tháng đầu năm 2022, với kim ngạch xuất khẩu chiếm 84,6% tổng kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng giường và bộ phận giường đạt 200,6 triệu USD, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm 2021. Mặt hàng giường và bộ phận giường xuất khẩu chủ yếu tới thị trường Mỹ, đạt 156,3 triệu USD, tăng 3,7% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 78% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng giường và bộ phận giường.

Tiếp theo là tủ dùng trong phòng ngủ đạt 98,5 triệu USD, giảm 2,1% so với cùng kỳ năm 2021. Mặt hàng tủ dùng trong phòng ngủ xuất khẩu nhiều nhất tới thị trường Mỹ đạt 86,2 triệu USD, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 87,5% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng tủ dùng trong phòng ngủ.

Ngoài ra, còn một số mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ khác cũng xuất khẩu trong 2 tháng đầu năm 2022 nhưng kim ngạch xuất khẩu chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ như: Tủ đầu giường, bàn dùng trong phòng ngủ, bàn trang điểm, nôi, tủ áo, kệ dùng trong phòng ngủ...

**Mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ xuất khẩu tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2022**

Mặt hàng	Tháng 02/2022 (nghìn USD)	So với tháng 02/2021 (%)	2 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
					2T/2022	2T/2021
<b>Tổng</b>	<b>128.147</b>	<b>-3,6</b>	<b>353.275</b>	<b>0,6</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Giường và bộ phận giường	71.106	-3,7	200.556	1,8	56,8	56,1
Tủ	37.278	-5,6	98.478	-2,1	27,9	28,6
Tủ đầu giường	11.296	13,0	29.520	18,0	8,4	7,1
Bàn	2.150	-44,9	7.974	-23,2	2,3	3,0
Bàn trang điểm	1.789	3,8	5.106	-4,3	1,4	1,5
Nôi	1.638	54,3	3.775	7,5	1,1	1,0
Tủ áo	1.347	7,3	3.438	-24,3	1,0	1,3
Kệ	809	38,7	1.754	12,2	0,5	0,4
Móc áo	346	-42,8	1.331	-30,7	0,4	0,5
Gương	210	45,2	685	54,8	0,2	0,1
Rương	63	6,4	237	9,4	0,1	0,1
Sập	11	898,0	65	-55,6	0,0	0,0
Ghế	25	-77,5	36	-74,9	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**Thị trường xuất khẩu chính**

Trong 2 tháng đầu năm 2022, đồ nội thất phòng ngủ xuất khẩu chủ yếu tới thị trường Mỹ, với kim ngạch chiếm 286,9 triệu USD, tăng 3,3% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 81,2% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ. Mỹ là thị trường chủ lực đối với mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ, xuất khẩu sang Mỹ tăng mạnh góp phần thúc đẩy ngành hàng này tăng trưởng tốt trong năm 2022. Tuy nhiên khi xuất khẩu sang thị trường Mỹ, các doanh nghiệp cần kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc gỗ, ứng phó hiệu quả trong các vụ kiện về phòng vệ thương mại.

Ngoài ra, mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ còn xuất khẩu tới các thị trường khác nhưng kim ngạch chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong 2 tháng đầu năm 2022 như Nhật Bản, Canada, Anh, Hàn Quốc và EU...

**Thị trường xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2022**

Thị trường	Tháng 02/2022 (nghìn USD)	So với tháng 02/2021 (%)	2 tháng năm 2022 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
					2T/2022	2T/2021
<b>Tổng</b>	<b>128.147</b>	<b>-3,6</b>	<b>353.275</b>	<b>0,6</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Mỹ	106.670	-1,2	286.898	3,3	81,2	79,1
Nhật Bản	5.668	-13,9	16.567	-10,9	4,7	5,3
Canada	2.979	28,3	9.462	18,5	2,7	2,3
Anh	2.608	-15,8	8.744	3,8	2,5	2,4
Hàn Quốc	2.512	-11,0	7.545	-12,3	2,1	2,4
<b>EU</b>	<b>2.344</b>	<b>-17,6</b>	<b>7.293</b>	<b>3,2</b>	<b>2,1</b>	<b>2,0</b>
Pháp	485	-34,4	1.788	-9,6	0,5	0,6
Bỉ	411	77,4	1.376	112,3	0,4	0,2
Hà Lan	571	35,2	1.327	5,8	0,4	0,4
Ai Len	476	13,5	1.063	7,4	0,3	0,3
Tây Ban Nha	217	6,0	897	41,5	0,3	0,2
Đức	107	-81,3	479	-47,1	0,1	0,3
Thụy Điển	67	34,3	210	117,6	0,1	0,0
Đan Mạch	11	-85,0	70	-55,1	0,0	0,0
...						
Australia	1.431	-27,6	5.746	-15,4	1,6	1,9
UAE	430	-2,2	1.152	-22,3	0,3	0,4
Đài Loan	358	17,1	1.084	1,5	0,3	0,3
Puerto Rico	301	27,1	1.075	61,3	0,3	0,2
Ả Rập Xê út	363	-36,6	951	-38,5	0,3	0,4
Trung Quốc	304	84,3	832	-31,4	0,2	0,3
New Zealand	200	-65,8	830	-41,9	0,2	0,4
Uzbekistan	191		679	507,9	0,2	0,0
Chilê	68	-75,2	534	-25,1	0,2	0,2
Mexico	119	-32,0	520	12,0	0,1	0,1
Malaysia	142	67,5	249	96,5	0,1	0,0
Jamaica	0	-100,0	226	66,9	0,1	0,0
Hồng Kông	20	32,4	169	293,0	0,0	0,0
Qata	7	-77,6	166	93,0	0,0	0,0
Đảo Mariana Bắc	26		157		0,0	0,0
Nam Phi	113	477,4	142	15,9	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

## Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần

(Từ ngày 22/3/2022 đến 30/3/2022)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần đạt 428,7 triệu USD, tăng 9% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 299,1 triệu USD, tăng 6,2% so với tuần trước.

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu tới một số thị trường chính trong tuần như: Mỹ đạt 196,6 triệu USD, tăng 9,3% so với tuần trước; thị trường Hồng Kông đạt 25,5 triệu USD, giảm 4,7%; Nhật Bản đạt 12,3 triệu USD, giảm 0,9%; thị trường Đài Loan đạt 7,4 triệu USD, giảm 14%; Singapore đạt 7 triệu USD, tăng 24,2%...

**Tham khảo giá một số lô hàng sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tuần (Giá: FOB)**

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Đài Loan	Tủ chén đĩa (phần dưới) gỗ cao su (60**18**33"H)	Cái	10	175,1	Cái Mép
	Giường mái nhà Full House-1520 (2125*1499*1960mm) gỗ thông	Cái	61	338,4	Cát Lái
	Bàn(VT14981-48)gỗ dương xẻ,gỗ cao su xẻ,sồi xẻ(3048*1067*762mm)	Cái	3	723,6	Phước Long
	Tủ gỗ óc chó, ván ép, MDF, veneer gỗ óc chó, kích thước 20*51*87 cm, MCA1028-WW CRE-03U-006	Cái	10	1.279,4	Bình Dương
	Ghế đã nhồi nệm(3003507-1060-A2CTPT00) gỗ dương xẻ,Gỗ cao su xẻ,Ván sợi(MDF),ván ép (671*806*1103mm)	Cái	2	919,7	Gemalink
Đảo British Virgin	Bàn gỗ thông 785mm x 1830(2440)mm x 1120mm	Cái	4	254,2	Cont Spitc
	Tủ gỗ thông 900mm x 1650mm x 475mm	Cái	3	282,4	Phước Long
Đan Mạch	Ghế sofa gỗ thông bọc da 3-seater 1723 88*218*83cm	Cái	16	936,2	Cát Lái
	Bàn (180-240 x 100 x 75)cm (Gỗ giá ty)	Cái	60	321,9	QT SP-SSA(SSIT)
Đức	Bàn (160/210 x 100 x 75)cm (Gỗ giá ty)	Cái	10	316,4	Cái Mép
	Ghế dài bãi biển có lưng tựa và mái che trend 175XL, kích thước 135x76x167 cm gỗ Tràm	Cái	14	518,9	Cát Lái
	Giường tắm nắng (200 x 71 x 43)cm (Gỗ giá ty)	Cái	90	158,5	Phước Long
	Tủ gỗ làm từ MDF có khung và chân gỗ keo rừng trồng, kích thước W/H/D 190/87/40cm,mã:CIF-17305-190, tên khoa học: Acacia	Cái	27	265,0	Đình Vũ
Ả Rập Xê Út	Giường (2082W x 1585D x 2142H)mm gỗ sồi	Cái	12	379,5	Cát Lái
	Tủ (1815W 665D x 990H)mm gỗ sồi, mdf dán dán lạng	Cái	6	280,5	Cát Lái
	Bàn (530W x 530D x 710H)mm Gỗ sồi, ván ép dán ván lạng	Cái	24	79,2	Cát Lái
Ai Len	Bàn gỗ sồi 30601-001(750x2000x850mm)	Cái	62	271,3	Cái Mép
	Ghế gỗ sồi 30606-001(450x2000x400mm)	Cái	17	104,1	Cái Mép
	Tủ Gỗ Thông + Sồi (KST-WD03/KD)(1600X570X1980)mm	Cái	5	428,0	Phước Long
	Giường gỗ thông-FBO-SKS01A/FMT-(2190 x 1690 x 1148) mm	Cái	20	278,0	Cái Mép
Anguyla	Bàn làm việc (C) gỗ cao su, gỗ dương, ván MDF (1422*660*775)mm	Cái	34	191,3	Cát Lái
	Kệ (C) gỗ cao su, gỗ dương, ván MDF (813*483*1829)mm	Cái	15	151,8	Cát Lái
	Tủ trang điểm (E) gỗ dương, ván gỗ ép, ván MDF (1791*470*914)mm	Cái	17	278,4	QT SP-SSA(SSIT)
Anh	Bàn gỗ sồi xẻ, óc chó, chân gang đen Vega Dining Table 210cm2100*1000*745mm	Cái	15	569,1	Cát Lái
	Tủ 3 cánh - PQT017, nhãn hiệu Oak furnitureland (1480x1930x650mm) gỗ sồi	Cái	30	537,5	Phước Long
	Giường gỗ sồi BOS012#& (1700*1120*290)mm,Vai giường,cây giữa(2100*230*160)mm	Cái	100	274,2	Cái Mép
	Kệ sách - gỗ Thông 1200 - 350 - 1900 ) mm - FLO-028-01-001-A	Cái	5	259,0	Vict
Australia	Ghế FC99/C995 - ván MDF & gỗ thông, có bọc nệm mặt ghế ngồi và tựa lưng ghế, kích thước (52.5x50x97.5)cm	Bộ	6	262,9	Cát Lái

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Tủ A493 - gỗ thông, gỗ cao su, ván MDF & ván ép, kích thước (180.5x51x231)cm	Cái	1	900,9	Cát Lái
	Bàn ăn Notch gỗ sồi (Quercus Alba), SW-53-10-2, kích thước: 240/100/76 cm	Cái	6	548,0	Transimex
Belize	Bàn văn phòng 66-1/4*30*31- Gỗ dương xẻ, ván pb, mdf, plywood	Cái	15	253,7	Cái Mép
	Tủ áo (48-3/7*19*62)"- Gỗ cao su, thông, ván pb, ván ép	Cái	4	253,3	Cái Mép
	Nôi em bé (56 3/4**31 3/4** 51)"- Gỗ dương, mdf	Cái	19	148,8	Cái Mép
	Giường B1120-88 KE (2220*2085*1734)mm,gỗ dương	Bộ	9	312,3	Đồng Nai
Bỉ	Bàn nhãn hiệu LP-84513 gỗ giá ty FSC 3150x1150x750 mm	Cái	6	691,0	Cái Mép
	Tủ gỗ óc chó (1240x526x460)mm	Cái	6	494,9	Cái Mép
	Giường Lodge King gỗ Sồi ( 1710 - 2076 - 905) mm - GIC368/K - 1156139	Cái	70	251,0	Đồng Nai
Các TVQ Ả Rập thống nhất	Bàn ăn sơn mài gỗ trầm 304.8x121.92x75cm	Cái	1	1.900,0	Cát Lái
	Tủ sơn mài gỗ trầm bông vàng và ván ép, 101.6x63.5x182.88cm	Cái	2	1.400,0	Cát Lái
	Ghế sofa 3 chỗ ngồi - gỗ trầm, ván ép,1388-S#& quy cách (1970*780*580) mm	Cái	48	115,7	Bình Dương
Canada	Tủ bếp gỗ tần bì, MDF mã màu F237; 106x28x32.5inch	Cái	1	960,5	Cát Lái
	Bàn ăn gỗ tần bì và MDF, mã màu F254 M216-PC - 78x36x30inch, hiệu Foliot	Cái	1	781,3	Cát Lái
	Giường gỗ sồi xẻ, poplar plywood, beech, MS: 153x203cm 2166*1620*1199mm	Cái	5	664,5	Cát Lái
	Ghế bành gỗ sồi xẻ, có nệm bọc da Cubik Armchair 645*688*776mm	Cái	5	359,5	Cát Lái
	Kệ Caliper Walnut Shelf, ký hiệu nhãn hiệu: MF0001, QC: 1200*400*1920, sản phẩm gỗ Walnut	Cái	11	197,6	QT SP-SSA(SSIT)
Chilê	Bàn gỗ sồi xẻ, hồ đào, veneer, beech Shona Dining Table 240cm 2400*930*745mm	Cái	4	643,6	Cát Lái
	Tủ 4 cửa gỗ sồi xẻ, poplar plywood, mdf, chân gang Blok Sideboard 4 doors 2000*450*760mm	Cái	4	616,7	Cát Lái
	Ghế sofa gỗ sồi xẻ, chân gang, có nệm bọc vải Kulu Daybed 1900*700*586mm	Cái	6	437,4	Cát Lái
	Kệ 6 tầng gỗ sồi xẻ, poplar plywood, khung thép đen Juno Shelves 6 layers 1100*300*1600mm	Cái	4	400,5	Cát Lái
Ấn Độ	Ghế Sofa 3 chỗ, bọc da, vải và PVC, làm từ ván ép, gỗ thông, đàn hồi tự động (85*40*40)"	Cái	29	464,0	Cát Lái
	Bàn T901-9 (1372x714x660) mm, gỗ thông, gỗ trầm, gỗ điều, ván MDF, ván P.B, ván ép	Cái	12	119,7	Cát Lái
Hà Lan	Bàn nhãn hiệu HLT2494 2400x1032x770mm gỗ giá ty	Cái	20	582,0	Cont Spitic
	Ghế nhãn hiệu HLDC1345 1660x620x960 mm gỗ giá ty	Cái	30	221,0	Cont Spitic
	Tủ Cera 2 ngăn (600x460x380)mm gỗ sồi	Cái	8	111,8	QT SP-SSA(SSIT)
Hàn Quốc	Giường tầng 306, Qui cách: 2160*1205*H1625mm gỗ cao su	Bộ	77	344,6	Cát Lái
	Kệ lớn gỗ thông, kích thước 330 * 310 * 100cm. Mới 100%	Cái	1	5.000,0	Cát Lái
	Tủ Tivi Mouette 1900x450x650 mm,gỗ bạch dương xẻ sấy	Cái	20	430,0	Cont Spitic
Hồng Kông	Ghế sofa Cherry 220 sofa - Fixed - Range L2 gỗ thông (W2200xD930xH840)	Cái	2	835,0	Cát Lái
	Kệ gỗ sồi (103/36/206.4) cm	Cái	5	551,7	Cát Lái
	Bàn 003492-AC - (gỗ beech) (1460x800x785)mm	Cái	1	2.495,0	Phước Long
	Giường gỗ dán, sồi, dương, MDF, vải (2341x2086x1524mm)	Cái	1	3.210,0	KV. TPHCM
	Tủ gỗ dương, gỗ dán, ván lạng, MDF (1829x508x915)mm	Cái	38	866,7	Long Bình
Indonesia	Bàn ăn D697-35 (2233 x 1067 x 765)mm, sơn 3 lớp (gỗ cao su xẻ, gỗ anh đào)	Cái	130	147,6	Cát Lái
	Tủ D712-86 (1397 x 762 x 914)mm, sơn 3 lớp gỗ trầm, gỗ điều, gỗ thông, gỗ trầm	Cái	50	186,2	Cont Spitic



**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Kệ tủ D647-76 (1905 x 711 x 398)mm, sơn 3 lớp (làm từ gỗ cao su xẻ, gỗ trầm, ván P.B, ván MDF, ván ép)	Cái	20	118,4	Cont Spitic
Ixaen	Giường gỗ thông KT (2010*964*1071)mm-	Bộ	50	136,6	Cát Lái
	Bàn gỗ Thông Galy 125 phòng ngủ- 46 , KT (1250*608*775)mm	Bộ	20	85,3	Cát Lái
Malaysia	Bàn 5546-84 (558.8*660.4*1016)mm, nhãn hiệu 5546-84, dùng trong nhà bếp gỗ cao su	Cái	40	164,5	Cát Lái
	Tủ gỗ trầm - LUS-WD02/MT - LUSO 2 DR SLIDING WARDROBE (1850x643x1985mm)	Cái	20	347,0	Phước Long
	Giường kingbed gỗ trầm ,nhãn hiệu FCVN31 (1975*2095*1165)mm	Cái	30	147,0	Phước Long
Mexico	Tủ quần áo 1212-W (WB) (5080416), qc: (1422*508*837H)mm, gỗ dương xẻ, gỗ thông xẻ, ván ép	Cái	20	291,9	Cát Lái
	Giường nôi 1713-SW WB (9759656), qc: (1406x802x1190)mm, gỗ dương xẻ, ván MDF	Cái	50	273,5	Cát Lái
Mỹ	Bàn 493063-SPC005 - (gỗ trầm bông vàng, alder, sồi, xà cừ) (1800x935x776)mm	Cái	1	4.752,0	Cát Lái
	Giường ngủ 22-BWH91-1 (GARBO BED) làm từ gỗ dẻ gai,sử dụng trong phòng ngủ,KT:210.2x223.4x233.65CM	Cái	10	1.323,0	Phước Long
	Tủ 382-875 Credenza, gỗ oak, poplar: 2032x508x864 (mm)	Cái	18	942,3	Transimex
	Ghế sofa gỗ cao su, gỗ ash (74 x 42 x 33)"	Cái	12	919,0	Transimex
Nam Phi	Bàn sử dụng trong văn phòng gỗ sồi : 2800*1100*780mm có nhãn hiệu là JE-2	Cái	5	474,1	Cát Lái
	Giường gỗ Cao Su 1700x2180x1950mm	Cái	16	231,0	Cát Lái
	Tủ gỗ Tràm có quy cách : 160x46x81 cm	Cái	44	221,8	Cát Lái
New Zealand	Giường SINGLE BUNK BED - WHITE; gỗ cao su & ván MDF; Size (2000 x 885 x 430)mm	Bộ	170	160,0	Cát Lái
	Tủ buffet 1700 ván mdf và gỗ oak KT: 1700 x 450 x 750mm,	Cái	1	753,0	Cát Lái
	Bàn rút ván mdf và gỗ oak KT: 1800 x 950 x 750mm,	Cái	1	609,0	Cát Lái
	Kệ sách gỗ sồi, thông- FRL-KS02LR/V3/2 (1600 x 400 x 1800)mm	Cái	32	157,3	Cont Spitic
Nhật Bản	Bàn DT80107Q-22 gỗ sồi. Kích thước: 2200*850*715mm	Cái	1	816,3	Cái Mép
	Giường cao su, ván dăm, mdf 1100x770x280; 380x2000x100;1030x1030x86;370x1271x150;480x820x940;480x620x940)mm	Bộ	29	264,3	Cát Lái
	Kệ sách gỗ sồi xẻ Tama Shelves 1100*300*1585mm	Cái	3	454,3	Cát Lái
	Ghế Sofa Horse 3P gỗ xà cừ có nệm bọc da bò. Kích thước: 1960*885*765mm	Cái	10	1.600,0	Tân Cảng
Pháp	Tủ A330 - gỗ thông, kích thước (190x45x220)cm	Cái	5	1.171,3	Cont Spitic
	Kệ sách 6475 - Được sản xuất từ gỗ thông, kích thước (250x90x239)cm	Cái	3	806,7	Cont Spitic
	Bàn A425 - gỗ sồi & gỗ thông, kích thước (290x120x77.5)cm	Cái	4	613,9	Cont Spitic
	Giường A352 - gỗ tần bì, gỗ thông & ván MDF, kích thước (199x149x110)cm	Cái	4	520,9	Cont Spitic
	Ghế bọc da có khung gỗ cao su CAA.17C12-ALU-3 (2000x940x760)mm	Cái	1	823,8	Phước Long
Puerto Rico	Tủ trang điểm B5490-22 làm từ gỗ cao su,gỗ trầm,Ván ép Chinese Plywood,Ván PB,MDF (1677x457x967)mm	Cái	32	204,0	Cát Lái
	Bàn D647-32 (1524 x1016 x 915)mm, sơn 3 lớp (gỗ cao su xẻ, ván ép, ván lạng gỗ trầm, ván P.B, ván MDF, gỗ Tràm, ván lạng gỗ Oak)	Cái	14	133,6	Cát Lái
Singapore	Kệ gỗ óc chó 30697-002(1750x1000x380mm)	Cái	10	305,2	Cát Lái
	Tủ bếp gỗ thông, gỗ tần bì, gỗ dán KT: 4102 x 2680 x 2184mm	Bộ	4	3.808,0	Lạch Huyện
	Bàn làm việc kèm tủ để tài liệu gỗ dán, gỗ thông L6533xW720xH2674mm.	Bộ	1	2.124,0	Đình Vũ
Tây Ban	Ghế 22AL-WO-WK720 gỗ Acacia FSC	Cái	34	109,2	Cont Spitic

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Nha	CHT777 Bàn chữ nhật (90x160/220x75cm) - Gỗ Keo	Cái	83	117,2	Tiên Sa
	CHC2172 Ghế tắm nắng( 194/184x73.5x71/94cm)- Gỗ Keo FSC	Cái	39	95,7	Tiên Sa
Trung Quốc	Ghế sofa lớn 3 chỗ, bọc da, vải và PVC, làm từ ván ép, gỗ thông, đàn hồi tự động(112*38.5*40)"	Cái	17	1.263,0	Bà Rịa
	Kệ sách Tamagỗ sồi xẻ, thép đen 1100*300*1585mm	Cái	5	485,1	Cát Lái
	Giường(1970 x 2172 x 1100)mm Gỗ tần bì, mDF, veneer	Cái	13	385,0	Cát Lái
	5688 - Tủ (gỗ sồi, poplar, beech) (940x489x1314)mm	Cái	20	1.479,5	Bình Dương
	5081 - Bàn (gỗ poplar, beech) (1651x675x787)mm	Cái	7	1.075,9	Bình Dương
Xây sen	Tủ (gỗ), item: 305-V72-WWW, gỗ cao su, gỗ dương, gỗ dán plywood, kích thước: 1829*597*868mm, dùng trong nhà tắm	Cái	4	523,8	Cát Lái
	Bàn CM4663WH-C-3A (1270*711*508)mm gỗ dương	Cái	79	88,2	Cát Lái
	Giường em bé, Item: 17100433, gỗ dương, kích thước: 1557*803*1219mm, dùng trong phòng ngủ.	Cái	34	168,5	Transimex
Xamoa	Tủ (61 5/16 X 18 X 35) inch, gỗ hoàng dương xẻ	Cái	100	489,1	Cái Mép
	Bàn (38 x 38 x 18) inch, gỗ hoàng dương xẻ	Cái	20	275,2	Cái Mép

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

### 3 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu gỗ sồi giảm cả về lượng và trị giá

+ Nhập khẩu gỗ sồi của Việt Nam từ thị trường Mỹ lớn nhất trong 2 tháng đầu năm 2022 đạt 21,4 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 12,8 triệu USD, giảm 42,9% về lượng và giảm 30,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chiếm tới 63,9% tổng lượng nhập khẩu.

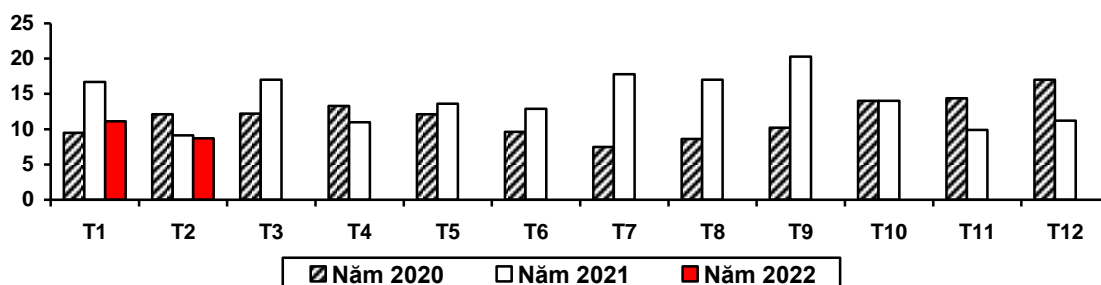
#### Tình hình nhập khẩu gỗ sồi

Theo số liệu thống kê, nhập khẩu gỗ sồi của Việt Nam tháng 3/2022 ước đạt 16,5 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 10,0 triệu USD, tăng 14,9% về lượng và tăng 15,2% về trị giá so với tháng 02/2022; so với tháng 3/2021 giảm 49,6% về lượng và giảm 41,1% về trị giá.

Tính chung 3 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu gỗ sồi đạt 50,0 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 29,8 triệu USD, giảm 41,5% về lượng và giảm 30,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

#### Trị giá nhập khẩu gỗ sồi nguyên liệu của Việt Nam từ năm 2020 - 2022

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Theo số liệu thống kê, nhập khẩu gỗ sồi của Việt Nam tháng 02/2022 đạt 14,4 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 8,7 triệu USD, giảm 24,8% về lượng và giảm 22,1% về trị giá so với tháng 01/2022; so với tháng 02/2021 giảm 22,8% về lượng và giảm 4,8% về trị giá.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu gỗ sồi đạt 33,5 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 19,8 triệu USD, giảm 36,5% về lượng và giảm 23,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

#### + Về chủng loại nhập khẩu:

## Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Theo số liệu thống kê, 2 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu gỗ sồi loại xẻ đạt khối lượng 21,4 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 14,8 triệu USD, giảm 45,9% về lượng và giảm 26,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Nhập khẩu gỗ sồi tròn đạt 12,1 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 5,0 triệu USD, giảm 8,4% về lượng và giảm 12,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

### Một số chủng loại gỗ sồi nhập khẩu 2 tháng đầu năm 2022

Chủng loại	2 tháng đầu năm 2022			So với cùng kỳ năm 2021 (%)		
	Lượng (m <sup>3</sup> )	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m <sup>3</sup> )	Lượng	Trị giá	Đơn giá
Gỗ xẻ	21.354	14.783	692,3	-45,9	-26,4	36,0
Gỗ tròn	12.103	4.999	413,0	-8,4	-12,0	-4,0

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

#### **+ Về thị trường nhập khẩu:**

2 tháng đầu năm 2022, lượng nhập khẩu gỗ sồi từ thị trường Mỹ, EU, Ukraina, Canada giảm so với cùng kỳ năm 2021, trong khi đó, nhập khẩu từ thị trường Anh, Australia giảm. Cụ thể:

Nhập khẩu gỗ sồi từ thị trường Mỹ đạt 21,4 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 12,8 triệu USD, giảm 42,9% về lượng và giảm 30,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, chiếm tới 63,9% tổng lượng nhập khẩu.

Nhập khẩu gỗ sồi từ thị trường EU giảm 18,8% về lượng và giảm 6,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, đạt 10,8 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 6,1 triệu USD, chiếm 32,4% tổng lượng nhập khẩu. Trong đó, lượng nhập khẩu gỗ từ một số nước thuộc khối EU giảm như: từ Croatia giảm 19,0%; Bỉ giảm 30,7%; Pháp giảm 69,1%; Đức giảm 25,7%; Italia giảm 38,5% về lượng... so với cùng kỳ năm 2021.

Nhập khẩu mặt hàng này từ thị trường Ukraina giảm 33,9% về lượng so với cùng kỳ năm 2021, đạt 811 m<sup>3</sup>; từ Canada giảm 81,5% về lượng, đạt 59 m<sup>3</sup>.

Trái lại, nhập khẩu gỗ sồi từ một số thị trường khác tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2021, tuy nhiên trị giá thấp như: từ Anh tăng 335,5%; từ Australia tăng 103% về lượng.

#### **+ Về giá nhập khẩu:**

Theo số liệu thống kê, giá nhập khẩu trung bình gỗ sồi trong 2 tháng đầu năm 2022 đạt 591,3 USD/m<sup>3</sup>, tăng 20,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong đó, nhập khẩu gỗ sồi từ Mỹ đạt 598,9 USD/m<sup>3</sup>, tăng 22,1% so với cùng kỳ năm 2021. Còn giá nhập khẩu gỗ sồi từ thị trường EU tăng 15,5% so với cùng kỳ năm 2021, lên 560,6 USD/m<sup>3</sup>; Ukraina tăng 54,2% lên 743,5 USD/m<sup>3</sup>; Australia tăng 14,3% lên 825,5 USD/m<sup>3</sup>...

### Thị trường cung cấp gỗ sồi cho Việt Nam 2 tháng đầu năm 2022

Thị trường	2 tháng đầu năm 2022			So với cùng kỳ năm 2021 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m <sup>3</sup> )	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m <sup>3</sup> )	Lượng	Trị giá	Đơn giá	2T/2022	2T/2021
<b>Tổng</b>	<b>33.457</b>	<b>19.782</b>	<b>591,3</b>	<b>-36,5</b>	<b>-23,2</b>	<b>20,8</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Mỹ	21.371	12.798	598,9	-42,9	-30,2	22,1	63,9	71,0
<b>EU</b>	<b>10.840</b>	<b>6.077</b>	<b>560,6</b>	<b>-18,8</b>	<b>-6,2</b>	<b>15,5</b>	<b>32,4</b>	<b>25,4</b>
<i>Croatia</i>	3.393	2.057	606,3	-19,0	5,6	30,3	10,1	8,0
<i>Slovenia</i>	1.912	1.040	543,6	190,2	221,3	10,7	5,7	1,3
<i>Bỉ</i>	1.545	491	318,1	-30,7	-32,3	-2,3	4,6	4,2
<i>Hà Lan</i>	1.253	719	573,6	1.347,4	599,3	-51,7	3,7	0,2

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	2 tháng đầu năm 2022			So với cùng kỳ năm 2021 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m <sup>3</sup> )	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m <sup>3</sup> )	Lượng	Trị giá	Đơn giá	2T/2022	2T/2021
Pháp	1.215	961	790,5	-69,1	-56,9	39,6	3,6	7,5
Đức	855	463	541,9	-25,7	-18,8	9,3	2,6	2,2
Italia	382	214	561,5	-38,5	-30,5	13,0	1,1	1,2
Ai Len	180	68	380,1	5,2	0,0	-4,9	0,5	0,3
Rumani	63	39	627,6	-75,4	-79,0	-14,5	0,2	0,5
áo	41	23	578,0	-23,6	46,5	91,7	0,1	0,1
Ukraina	811	603	743,5	-33,9	1,9	54,2	2,4	2,3
Anh	128	100	778,0	335,5	311,0	-5,6	0,4	0,1
Lictonxtain	118	70	595,5				0,4	0,0
Canada	59	55	930,0	-81,5	-64,1	94,7	0,2	0,6
Australia	36	30	825,5	103,0	132,0	14,3	0,1	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

## Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần

Từ ngày 22/3/2022 đến 30/3/2022

Trong tuần từ ngày 22/3/2022 đến 30/3/2022, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 59,3 triệu USD, tăng 7,2% so với tuần trước.

Trong đó, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường tăng so với tuần trước: từ Trung Quốc tăng 8,3%; Hồng Kông tăng 10,0%; Lào tăng 196,6%; Thái Lan tăng 67,5%; thị trường Đài Loan tăng 51,4%; Chilê tăng 117,6%; New Zealand tăng 79,3%... so với tuần trước.

Trái lại, nhập khẩu mặt hàng này từ một số thị trường giảm so với tuần trước như: từ Mỹ giảm 32,3%; Braxin giảm 14,0%; Malaysia giảm 17,6%; Pháp giảm 16,0%; Nhật Bản giảm 64,2%; Phần Lan giảm 55,0%...

**Một số thị trường đứng đầu về cung cấp gỗ nguyên liệu cho Việt Nam trong tuần từ ngày 22/3/2022 đến 30/3/2022 (ĐVT: nghìn USD)**

Thị trường	Tuần từ ngày 22/3/2022 đến 30/3/2022	So với tuần trước (%)
<b>Tổng</b>	<b>59.252</b>	<b>7,2</b>
Trung Quốc	14.959	8,3
Hồng Kông	9.526	10,0
Lào	6.207	196,6
Mỹ	3.545	-32,3
Thái Lan	2.728	67,5
Singapore	2.469	8,7
Braxin	2.148	-14,0
Đài Loan	1.713	51,4
Chilê	1.411	117,6
Malaysia	1.307	-17,6
New Zealand	1.079	79,3
Bỉ	1.052	60,5
Pháp	906	-16,0
Nga	836	28,8
Đức	813	17,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

**Một số lô hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu tuần từ ngày 22/3/2022 đến 30/3/2022**

Chủng loại	Lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (USD)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã-GH
Gỗ óc chó 2.4 -6 m, đk 22 -45 cm	16	380,1	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ óc chó tròn -đk: 30-51 cm, dài 2.13-4.27m .	21	849,8	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ anh đào tròn, dài từ 3.4m, đk từ 30cm	73	192,3	Bỉ	Nam Hải	CIF
Gỗ bạch đàn (đk từ 310mm - 500mm, dài từ 5m - 11m)	95	144,8	Australia	Cát Lái	CFR
Gỗ bạch dương tròn dài 3m, đk 30cm	153	143,1	Đức	Hải Phòng	CIF
Gỗ bạch dương xẻ (384-2438*40-76*19 )mm	415	512,7	Nga	Cont Spite	C&F
Gỗ bạch dương xẻ 25x 80-200mm x 2000-2500mm	40	510,0	Nga	Cát Lái	CIF
Gỗ bạch dương xẻ sậy 20mm x 80-200mm x D1,5m - 2m	84	295,0	Litva	Cát Lái	CIF
Gỗ bồ đề tròn (đk: phi 305-762; dài: 2438.4-5487)mm	24	300,0	Mỹ	Vũng Tàu	CIF
Gỗ căm xe xẻ dày 6mm	21	600,0	Lào	Quảng Trị	DAF
Gỗ cao su xẻ sậy (18 x 38-77 x 450-900)mm	151	170,0	Myanma	Cát Lái	CFR
Gỗ căm xe dài : 180-260cm, rộng 30-60 cm, cao 10-15 cm	20	180,0	Dambia	Hải Phòng	CIF
Gỗ chiêu liêu, xẻ dày 6mm	7	500,0	Lào	Quảng Trị	DAF
Gỗ dương xẻ (31.75x 101.6-355.6mm x 4267.2 - 4876.8mm)	38	499,9	Belize	Vũng Tàu	CIF
Gỗ dương xẻ (dài: 6-16 feet, rộng: 4-18 inch, dày: 5/4 inch)	41	529,7	Anguila	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ (dày: 50mm, rộng:10cm-40cm, dài:2.1m-3,4m)	32	469,7	Italia	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ 23.8x100x3050mm	9	694,9	Nhật Bản	Vũng Tàu	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ dày 26 mm, rộng:100-400mm, dài 2m	32	450,0	Đan Mạch	Cát Lái	CIF
Gỗ gỗ đẽo vuông thô dày 25 cm, rộng 25 cm, dài 2m	24	167,0	Trung Quốc	Hải Phòng	FOB
Gỗ gỗ 30 cm up x 30 cm up x 270 cm	20	299,2	Dambia	Hải Phòng	FOB
Gỗ gỗ dài 210-275cm, rộng 25-45cm, dày 29-45cm	21	150,0	Nigeria	Nam Hải	FOB
Gỗ gỗ dài từ 240cm, rộng từ 25cm, dày từ 25cm	20	240,0	Ấn Độ	Đình Vũ	FOB
Gỗ gỗ dài: 2.41-2.74m , rộng: 38-57cm , dày: 35-55cm	40	305,0	UAE	Hải Phòng	FOB
Gỗ gỗ dày (30-65)cm, rộng (35-70)cm, dài(230-280)cm	44	360,0	Gana	Cát Lái	FOB
Gỗ gỗ dày 25 cm, rộng 25 cm, dài 2.0 m	48	167,0	Hồng Kông	Cát Lái	CFR
Gỗ gỗ xẻ dày từ : ( 22-80) cm, rộng từ ( 25-80)cm, dài từ : (2,1- 2.8)m	48	260,0	Uganda	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương đá xẻ dài từ 2.50m - 2.70m, rộng từ 0.20m - 0.53m, dày từ 0.12m - 0.16m	20	244,9	Trung Quốc	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương đá xẻ, dài từ 2.20m - 2.50m, rộng từ 0.25m - 0.60m, dày từ 0.12m - 0.16m	20	222,0	Dambia	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương D (35-77)cm x L (200-495)cm	23	500,0	Thái Lan	Cảng Xanh	CIF
Gỗ hương xẻ (dày: 30-39cm; rộng: 30-48cm; dài: 3,8m-5,8m)	8	445,4	Đan Mạch	Hải Phòng	CIF
Gỗ hương xẻ, dài từ 2.0-3.0m, rộng từ 0.15-0.19m, dày 0.03-0.06m	17	230,1	Ângôla	Nam Hải	FOB
Gỗ lim đẽo vuông thô dày 25 cm, rộng 25 cm, dài 2m	48	166,0	Trung Quốc	Nam Hải	FOB
Gỗ lim dài 230-270cm, rộng: 47-93cm, dày: 31-87cm	20	250,0	Dambia	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim dài: 6.5-11.8m, đk: 70-120cm	236	470,7	Italia	Nam Hải	FOB
Gỗ lim dày 25 cm, rộng 25 cm dài 2m	48	167,0	Nigeria	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim xẻ, dài 1.05m, rộng 150mm, dày 40mm	286	262,7	Gabông	Nam Hải	FOB
Gỗ lim xẻ, dài 250-272cm, rộng 50-74cm, dày 50-78cm	22	200,0	Hồng Kông	Nam Hải	FOB
Gỗ lim xẻ, dài: 0.8-1.6m, rộng: 6cm, dày: 6cm	19	448,7	Thụy Sĩ	Hải Phòng	FOB
Gỗ linh sam dày: 38 mm, rộng: 100-150 mm, dài: 1.8-6.0 m	176	305,0	Thụy Điển	Cát Lái	CIF
Gỗ linh sam xẻ (32 x 150-250 x 3300-5400)mm	82	330,0	Đài Loan	Cát Lái	CFR
Gỗ mít tròn đk từ 0,33m - 1,56m; dài từ 0,90m - 7,20m	25	110,0	Campuchia	Tây Ninh	DAF
Gỗ mít xẻ, dài từ 1.0-3.0m, rộng từ 0.19-0.24m, dày từ 0.06m	16	215,0	Ângôla	Nam Hải	FOB
Gỗ sồi xẻ sậy dày 26 mm, dài (1,000 - 3,000)mm	27	211,8	Mỹ	Cont Spite	CIF
Gỗ sồi 5/4 x 2-17 x 4-15 inch	25	450,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi dài từ 1.8-11.5 m, đk 30-39cm	42	328,3	CH Séc	Hải Phòng	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ 20-52mm x 120-400mm x 1500-5000mm	92	535,3	Bỉ	Cát Lái	CIF



**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Chủng loại	Lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (USD)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã-GH
Gỗ sồi xẻ sấy dày 22mm, rộng 0.1255-0.4256 mm x dài 1600-4400 mm	29	568,1	Italia	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ sấy dày: 22mm, dài: (2,5-5,1)m	27	546,1	Anh	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ sấy, (180-390)cm x (1000+)mm x 26 mm	25	617,1	Hà Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ sao xanh xẻ dày 6mm	57	550,0	Lào	Quảng Trị	DAF
Gỗ tần bì đã xẻ sấy, dày 32mm dài 1.8-2m	14	690,1	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì dài 3m, đk 30cm	216	213,0	Bỉ	Nam Hải	CFR
Gỗ tần bì tròn đk gỗ từ (30-72)cm	583	150,0	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn đk: 23-29 cm, dài 3.1-11.6m .	107	128,9	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn dài 3m, đk 30-39cm	131	178,4	Đan Mạch	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì tròn, dài từ 3m, đk từ 30cm	429	218,9	UAE	Nam Hải	CIF
Gỗ thông trắng xẻ (dày:50mm, mặt rộng: 200mm, dài: 3m-5.1m	43	320,0	Thụy Điển	Cont Spite	CIF
Gỗ thông tròn Đk 18-20cm, dài 5.8m	452	70,0	Mỹ	Cát Lái	CFR
Gỗ thông xẻ (19*184*3050-4270)mm	108	395,0	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ (25 x 125 x 2250mm)	15	294,9	Anh	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ (25-32mm x 075-200mm)	74	380,0	Mỹ	Cont Spite	C&F
Gỗ thông xẻ (32 x 75-125 x 2440-3050) mm	102	300,0	Anguyla	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 14mm x 140mm x 1.8m	284	210,0	New Zealand	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 15 x 140 x 1800mm	102	220,0	Australia	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 15mm x 100; 140mm x 1.8m	102	207,0	Braxin	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 22mm x 70-195mm x 1600-3300mm	91	315,0	Chilê	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 32;50 x 160mm up to 240mm x 2.0m up 2.5m	140	340,0	Hà Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 38 mm x 150-200mm x 3500-4000mm	308	281,0	Uruguay	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ rộng 100-200mm, dày 25-38mm, dài 2.5m-4,9m	443	355,0	Nhật Bản	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sấy dài:3.6m-6m, rộng: 190-240mm, dày 45mm	89	290,0	Belize	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sấy dày: 22mm. dài (3000-6000)mm	80	315,0	Estonia	Cont Spite	CPT
Gỗ thông xẻ sấy-(dày25mm, rộng 150mm, dài 3000-4000mm)	50	340,0	Đài Loan	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ( 22-25 x 125 x 3000-6000 )mm	376	365,0	Phần Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ tròn bạch đàn đk 29cm, dài 5,6m	194	180,0	Braxin	Quy Nhơn	CIF
Gỗ tròn bạch đàn đk từ 30cm; dài 5,7m	307	177,0	Uruguay	Quy Nhơn	CIF
Gỗ tròn bạch đàn đk trung bình từ 40cm, dài 5.8m & 3.2m	89	174,5	áo	Quy Nhơn	CIF
Gỗ tròn thông vàng đk 30cm, dài 5.8m	270	173,0	áo	Quy Nhơn	CIF
Gỗ vân sam xẻ 32mmx100mmx4500~5400mm	134	350,0	Phần Lan	Cái Mép	CIF
Gỗ xoan đào xẻ, dài: 240m, rộng: 23cm, dày: 23cm	18	190,0	Hồng Kông	Hải Phòng	FOB
Gỗ xoan xẻ, dài từ 2.20- 5.80m, rộng từ 0.16-0.66m, dày từ 0.12-0.63m	20	199,9	Ăngôla	Nam Hải	FOB
Ván dăm (2440mm x 1220mm x 14mm)	264	213,0	Malaysia	Cont Spite	C&F
Ván ép (2.7mmx610x1220mm)	11	780,1	Indonesia	Cát Lái	C&F
Ván ép 20mmx1220x2000	53	450,0	Belize	Cát Lái	CFR
Ván MDF (2440*1220*21mm)	3	195,4	Trung Quốc	Cát Lái	CFR
Ván MDF 5 mm x 1830 x 2440	63	310,0	Thái Lan	Cát Lái	CIF
Ván PB (Ván dăm) 1220mm x 2440mm x 25mm	381	194,0	Thái Lan	Cát Lái	CFR

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

## **Quý I/2022, xuất khẩu gỗ mỹ nghệ tăng mạnh**

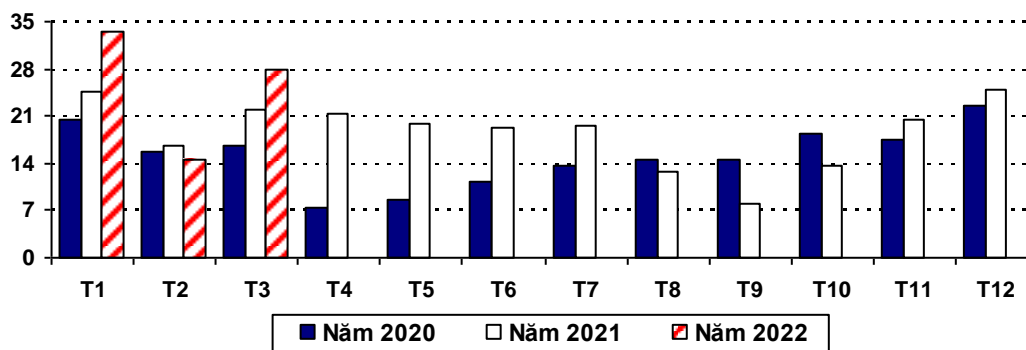
Tháng 02/2022 có số ngày nghỉ Tết Nguyên đán kéo dài nên ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gỗ mỹ nghệ trong tháng 02/2022 đạt 14,47 triệu USD, giảm 56,8% so với tháng 01/2022; giảm 12,5% so với tháng 02/2021. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2022, xuất

khẩu gốm sứ mỹ nghệ đạt 47,92 triệu USD, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Ước tính, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ trong tháng 3/2022 tăng mạnh, đạt 28 triệu USD, tăng 93,5% so với tháng 02/2022; tăng 27,9% so với tháng 3/2021. Tính chung trong 3 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ đạt 75,92 triệu USD, tăng 20,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Gốm sứ tiếp tục là sản phẩm xuất khẩu quan trọng trong cơ cấu xuất khẩu sản phẩm thủ công mỹ nghệ của Việt Nam. Trong điều kiện cạnh tranh gay gắt như hiện nay thì ưu thế của Việt Nam là có các làng gốm sứ nổi tiếng, sản phẩm khác biệt, kỹ thuật chế tác tinh xảo mà máy móc không thể thay thế được. Dự báo, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ của Việt Nam tiếp tục tăng trong thời gian tới.

**Tình hình xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ qua các tháng (triệu USD)**



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan và ước tính tháng 3/2022

### Mặt hàng xuất khẩu chính

Tháng 02/2022, xuất khẩu các chủng loại gốm sứ mỹ nghệ của Việt Nam đều giảm so với tháng 01/2022 và giảm so với tháng 02/2021. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu chậu gốm sứ, gốm sứ trang trí và gốm sứ gia dụng tăng; ngược lại, xuất khẩu tượng gốm sứ và bình gốm sứ giảm so với cùng kỳ năm 2021.

- Chậu gốm sứ vẫn là chủng loại được xuất khẩu nhiều nhất trong tháng 02/2022, đạt 11,32 triệu USD, giảm 54,2% so với tháng 01/2022; giảm 13,0% so với tháng 02/2021. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu chậu gốm sứ đạt 36,01 triệu USD, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm 2021.

2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu chậu gốm sứ sang các thị trường chủ chốt như Mỹ, EU, Anh, Australia đều tăng so với cùng kỳ năm 2021. Mỹ và EU vẫn là 2 thị trường xuất khẩu chủ lực chủng loại này, khi chiếm 73% tổng kim ngạch xuất khẩu chậu gốm sứ mỹ nghệ của cả nước: xuất khẩu sang Mỹ đạt 15,09 triệu USD, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm 2021; sang EU đạt 11,11 triệu USD, tăng 12,8%.

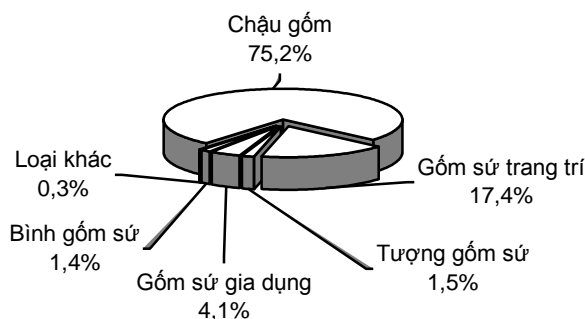
- Xuất khẩu gốm sứ trang trí trong tháng 02/2022 đạt 2,73 triệu USD, giảm 62,7% so với tháng 01/2022; giảm 8,8% so với tháng 02/2021. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu gốm sứ trang trí đạt 8,36 triệu USD, tăng 36,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Gốm sứ trang trí chủ yếu được xuất khẩu sang 2 thị trường chính là Mỹ và EU. 2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu gốm sứ trang trí sang Mỹ đạt 3,62 triệu USD, tăng 16,0% so với cùng kỳ năm 2021; sang EU đạt 3,35 triệu USD, tăng 54,8%.

- Xuất khẩu gốm sứ gia dụng trong tháng 02/2022 đạt 323,25 nghìn USD, giảm 80,5% so với tháng 01/2022; giảm 14,2% so với tháng 02/2022. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu gốm sứ gia dụng đạt 1,98 triệu USD, tăng 75,4% so với cùng kỳ năm 2021.

**Cơ cấu mặt hàng gốm sứ mỹ nghệ xuất khẩu trong 2 tháng đầu năm 2022**

(% tính theo kim ngạch)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**Thị trường xuất khẩu**

- *Thị trường EU:* Tháng 02/2022, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang EU đạt 4,30 triệu USD, giảm 62,5% so với tháng 01/2022; giảm 4,8% so với tháng 02/2021. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang EU đạt 15,77 triệu USD, tăng 20,9% so với cùng kỳ năm 2021.

2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang thị trường Pháp tăng mạnh, đạt 2,64 triệu USD, tăng 109,0% so với cùng kỳ năm 2021, đóng góp 51% vào tổng mức tăng xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang EU. Ngoài ra, xuất khẩu sang các thị trường khác như Hà Lan, Đức, Italia, Bỉ, Ba Lan... cũng tăng so với cùng kỳ năm 2021.

2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu các chủng loại gốm sứ mỹ nghệ sang EU đều tăng so với cùng kỳ năm 2021. Chậu gốm sứ là chủng loại được xuất khẩu nhiều nhất, đạt 11,11 triệu USD, tăng 12,8%; tiếp đến là gốm sứ trang trí đạt 3,35 triệu USD, tăng 54,8%.

Khi tham gia Hiệp định EVFTA, các làng nghề, các doanh nghiệp, hợp tác xã và các hộ nghề nước ta có nhiều cơ hội mở rộng và đa dạng thị trường xuất khẩu sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh về giá của sản phẩm khi tiếp cận vào thị trường EU. Khi các quốc gia nhập khẩu gốm sứ lớn trên thế giới như Mỹ, EU áp đặt hàng rào thuế quan cao hơn đối với gốm sứ Trung Quốc, thị phần hàng gốm sứ Việt Nam càng có cơ hội để mở rộng. Cụ thể như ngày 12/12/2019, Ủy ban châu Âu đã ra các hình phạt mới đối với gốm sứ từ Trung Quốc, áp dụng mức thuế 36% do các nhà xuất khẩu sản phẩm đồ ăn và đồ dùng nhà bếp Trung Quốc vi phạm Luật Chống bán phá giá của EU; trong khi mức thuế nhập khẩu đối với các doanh nghiệp Việt Nam vào thời điểm đó chỉ từ 3,5 - 6% tùy thuộc các nhóm mặt hàng khác nhau và giảm xuống 0% kể từ tháng 8/2020 khi EVFTA có hiệu lực. Thực tế, dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhưng nhập khẩu gốm sứ mỹ nghệ của EU từ Việt Nam trong năm 2020 vẫn tăng 5,4% so với năm 2019, trong khi đó nhập khẩu từ Trung Quốc lại giảm 14,5%. Tuy nhiên, đến năm 2021, nhập khẩu gốm sứ mỹ nghệ của EU từ Trung Quốc đã tăng mạnh trở lại, khi tăng 44,4% so với năm 2020, cao hơn mức tăng nhập khẩu từ Việt Nam là 23,1%.

Mặc dù kim ngạch xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ của Việt Nam đã tăng lên đáng kể trong những năm gần đây nhưng vẫn chiếm một tỷ trọng nhỏ so với khả năng to lớn của ngành, nguyên nhân chủ yếu là do thực trạng sản xuất – xuất khẩu còn nhiều hạn chế làm cho khả năng cạnh tranh của gốm sứ mỹ nghệ Việt Nam còn thấp so với các đối thủ cạnh tranh và còn chưa đáp ứng được những yêu cầu cao hơn của thị trường xuất khẩu. Gốm sứ mỹ nghệ Việt Nam hiện đang phải cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại được sản xuất bởi các đối thủ cạnh tranh lớn, như: Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia... Để nâng cao năng lực cạnh tranh, các doanh nghiệp Việt Nam nên áp dụng công nghệ mới

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

vào sản xuất, tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm nhằm tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

- Thị trường Mỹ: Theo thống kê, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang thị trường Mỹ trong tháng 02/2022 đạt 6,38 triệu USD, giảm 50,8% so với tháng 01/2022; giảm 18,6% so với tháng 02/2021. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang Mỹ đạt 18,36 triệu USD, tăng 6,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Chậu gốm sứ và gốm sứ trang trí là 2 chủng loại được xuất khẩu chủ yếu sang thị trường Mỹ trong 2 tháng đầu năm 2022, chiếm 97% tổng kim ngạch xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ sang thị trường này. Xuất khẩu cả 2 chủng loại này sang thị trường Mỹ trong 2 tháng đầu năm 2022 đều tăng so với cùng kỳ năm 2021: chậu gốm sứ đạt 15,09 triệu USD, tăng 5,4%, gốm sứ trang trí đạt 3,62 triệu USD, tăng 16,0%.

**Thị trường xuất khẩu gốm sứ mỹ nghệ của Việt Nam trong tháng 02/2022 và 2 tháng đầu năm 2022**

Thị trường	Tháng 02/2022 (nghìn USD)	So với tháng 01/2022 (%)	So với tháng 02/2021 (%)	2 tháng đầu năm 2022 (nghìn USD)	So với 2 tháng năm 2021 (%)	Tỷ trọng (%)	
						2T/2022	2T/2021
<b>Tổng</b>	<b>14.467</b>	<b>-56,8</b>	<b>-12,5</b>	<b>47.920</b>	<b>16,3</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
EU	4.299	-62,5	-4,8	15.773	20,9	32,9	31,7
Hà Lan	942	-65,4	-19,5	3.661	1,8	7,6	8,7
Pháp	548	-73,8	108,4	2.642	109,0	5,5	3,1
Đức	602	-61,4	-25,2	2.163	12,5	4,5	4,7
Italia	548	-46,4	55,6	1.572	35,2	3,3	2,8
Bỉ	256	-74,8	17,3	1.272	70,5	2,7	1,8
Ba Lan	229	-69,7	-22,6	985	66,5	2,1	1,4
Đan Mạch	394	-28,0	-56,0	940	-52,6	2,0	4,8
Thụy Điển	245	-46,9	45,8	707	-7,7	1,5	1,9
Tây Ban Nha	353	9,0	138,6	677	56,1	1,4	1,1
Ai Len	43	-87,1	-39,0	373	182,0	0,8	0,3
Rumani	66	-58,0	117,4	224	75,2	0,5	0,3
Phần Lan	37	-71,5	94,8	167	778,2	0,3	0,0
Áo	20	-79,1	8,2	114	-21,9	0,2	0,4
Mỹ	6.383	-50,8	-18,6	19.361	6,4	40,4	44,1
Anh	1.532	-62,0	-11,3	5.565	52,9	11,6	8,8
Australia	649	-63,7	-26,0	2.440	15,6	5,1	5,1
Canada	529	2,5	61,4	1.045	6,9	2,2	2,4
Nhật Bản	406	-6,5	-15,1	840	-31,4	1,8	3,0
Hàn Quốc	144	-54,6	144,3	460	42,4	1,0	0,8
New Zealand	116	-55,0	-0,2	374	25,0	0,8	0,7
Na Uy	31	-90,5	-59,5	357	118,2	0,7	0,4
Chilê	79	-56,9	49,2	263	124,0	0,5	0,3
Mêhicô	0	-100,0	-100,0	175	2.481,7	0,4	0,0
UAE	10	-92,2	-83,4	135	1,4	0,3	0,3
Nga	5	-95,8	-	130	748,3	0,3	0,0
Ấn Độ	21	-75,7	-7,1	106	120,9	0,2	0,1
Braxin	18	-70,0	-43,9	77	-2,1	0,2	0,2
Thụy Sĩ	0	-100,0	-100,0	75	220,8	0,2	0,1
Campuchia	1	-98,2	-	75	97,5	0,2	0,1

Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

## Xuất khẩu hàng gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ

(Từ 08/3/2022 đến 22/3/2022)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ từ ngày 08/3/2022 đến 22/3/2022 đạt 13,63 triệu USD, tăng 17,2% so với kỳ trước (từ 22/02/2022 đến 08/3/2022). Trong đó, kim ngạch xuất khẩu chậu gốm sứ đạt 10,93 triệu USD, tăng 17,2%; gốm sứ trang trí đạt 1,73 triệu USD, tăng 19,3%; gốm sứ gia dụng đạt 518,21 nghìn USD, tăng 12,4%; bình gốm sứ đạt 229,88 nghìn USD, tăng 194,1%...

Trong kỳ vừa qua, gốm sứ mỹ nghệ được xuất khẩu sang 43 thị trường; trong đó, có 3 thị trường đạt kim ngạch trên 1 triệu USD: Mỹ đạt 4,91 triệu USD, tăng 15,5% so với kỳ trước; Anh đạt 1,30 triệu USD, tăng 6,8%; Đức đạt 1,06 triệu USD, tăng 36,3%.

Một số lô hàng xuất khẩu đạt giá cao trong kỳ vừa qua như: Chậu gốm quy cách 40x40x38 cm, xuất khẩu sang thị trường Anh có giá 413,1 USD/cái (FOB cảng Cát Lái); Chậu gốm-Ventana Planter, kích thước (80 x 80,55 x 60) cm, 2pcs/sets, xuất khẩu sang thị trường Mỹ có giá 165,9 USD/bộ (FOB cảng Transimex); Chậu gốm dùng để trồng cây (1 Bộ = 2 cái) (size:73x80; 43x54cm), xuất khẩu sang Đan Mạch có giá 161,9 USD/bộ (FOB cảng Cát Lái)...

### Một số lô hàng gốm sứ mỹ nghệ xuất khẩu trong kỳ (Giá: FOB)

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Áo	Chậu đất nung (53x30+39x23+27x16 cm)	Bộ	108	32,5	Transimex
	Chậu gốm (35x32 cm)	Bộ	30	17,0	Transimex
Đan Mạch	Chậu gốm dùng để trồng cây (1 Bộ = 2 cái) (Size:73x80;43x54cm)	Bộ	6	161,9	Cát Lái
	Đĩa gốm tròn có chân rời (40.5*7; 26*50.5)cm	Bộ	312	22,8	Transimex
	Đồ trang trí bằng gốm hình con thỏ (17*18*35)cm	Cái	120	7,2	Transimex
Đức	Chậu đất nung trồng cây, trang trí bộ 5 (32/41/52/65/80 x 26/34/40/50/60 cm)	Bộ	15	88,0	Phước Long
	Tượng trang trí bằng Gốm, (44.5*21*25 cm)	Cái	288	18,7	Phước Long
	Lọ hoa bằng sứ, KT: 9.3x28.5x17 cm	Cái	100	7,1	Tân Vũ
	Thú Gốm sân vườn kích thước 19.5x12.5H19.5 cm	Cái	3.552	5,9	Cát Lái
Ai Len	Chậu gốm bộ 4 KT 39x39x37cm	Bộ	36	32,7	Cát Lái
	Chậu gốm bộ 3 KT 38x38x32cm	Bộ	63	17,9	Cát Lái
Anh	Chậu gốm quy cách 40x40x38 cm	Cái	120	413,1	Cát Lái
	Thác nước bằng gốm (57x47)cm	Cái	12	48,4	Cát Lái
	Chậu bộ 3 gốm đất nung. Kích thước: 55x55x46; 45x45x46; 34x34x46 cm	Bộ	320	45,8	Cát Lái
	Bình gốm (57x47)cm	Cái	742	20,8	Cát Lái
	Đĩa gốm tròn có chân rời (37.2*6; 23*42.5)cm	Bộ	360	13,8	Cát Lái
Australia	Chậu gốm trang trí bộ 3 (93x80)cm;(70x67)cm;(47x55)cm	Bộ	38	103,3	Cát Lái
	Thác nước bằng gốm bộ 2 (63x77)cm,(85x25)cm	Bộ	8	92,1	Cát Lái
	Bình gốm trang trí (87x96)cm	Cái	43	60,7	Cát Lái
	Lọ hoa bằng sứ, KT: 19.6x19.6x38.3 cm	Cái	52	24,1	Hải Phòng
	Bát bằng sứ dùng trong nhà bếp, KT: 35x34x10 cm	Cái	120	19,4	Cảng Xanh
	Đĩa bằng sứ dùng trong nhà bếp, KT: 38x28x5 cm	Cái	72	17,2	Cảng Xanh
Ba Lan	Chậu gốm bộ 3 tròn (41.5*47; 32.5*37; 25.5*30.5)cm	Bộ	576	35,8	Cát Lái
	Chậu gốm bộ 4 tròn (37*42; 31*35; 26*28.5; 19*22)cm	Bộ	352	30,0	Cát Lái
Bỉ	Chậu bộ 3 gốm sân vườn. Kích thước: 39x39x31; 30x30x31; 21x21x31 cm	Bộ	342	30,7	Cát Lái
	Tượng gốm đất nung. Kích thước: 36x34x37 cm	Cái	118	12,1	Cát Lái
Canada	Chậu gốm - (kích thước: D: 25 cm x H: 35 cm)	Cái	87	89,3	Cát Lái
	Chậu gốm (set = 5 pce) - kích thước: D: 55 cm x H: 60 cm	Bộ	12	52,7	Cát Lái
	Đĩa gốm tròn (34*8)cm	Cái	360	5,7	Phước Long
Chilê	Chậu gốm bộ 3 kt 26/22/17 , 26/22/17 cm mới	Cái	200	23,3	Cát Lái



**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
	Chậu gốm bộ 2 kt 26/22/17 , 26/22/17 cm	Bộ	200	8,0	Cát Lái
Ấn Độ	Cốc bằng sứ dùng trong nhà bếp, KT: 7x7x8cm	Bộ	252	9,1	Hải Phòng
	Đĩa bằng sứ dùng trong nhà bếp, KT: 28x13x2cm	Cái	72	8,7	Hải Phòng
	Ấm trà bằng sứ dùng trong nha bếp, KT: 10.5x10.5x11cm	Cái	200	8,7	Hải Phòng
	Bát đĩa bằng sứ và bát bằng sứ dùng trong nhà bếp, KT: 28x13x2cm/10x9.5x3.5cm	Bộ	100	6,5	Hải Phòng
Hà Lan	Chậu gốm dùng để trồng cây (Size: 73X90 cm)	Cái	12	142,1	Cát Lái
	Chậu gốm dùng để trồng cây (1 Bộ = 2 cái) (Size: 47X88;35X64 cm)	Bộ	25	107,1	Cát Lái
Hàn Quốc	Chậu bộ 2 Gốm sân vườn kích thước D40/23H27/16 cm	Bộ	42	24,1	Cát Lái
	Chậu bộ 3 Gốm đất nung kích thước D22/17/13H19 cm	Bộ	988	8,0	Cát Lái
Hong Kong	Chậu gốm đất nung, đường kính 79cm, cao 67cm	Cái	154	90,0	Cát Lái
	Lu đựng nước, đường kính 70cm, cao 87cm	Cái	197	51,0	Phước Long
	Bình gốm L34 W32 H38 cm	Cái	217	15,9	Cát Lái
	Đĩa bằng đất nung dùng để lót chậu, đường kính 49cm, cao 6cm	Cái	121	12,0	Phước Long
Italia	Chậu gốm bộ 4 tròn (36.5*30; 30*25; 24*20; 19*16)cm	Bộ	108	24,2	Phước Long
	Lọ gốm code: 3660, Kích thước: D16,7 xH14,5 cm	Cái	45	14,5	Hải Phòng
	Ấm trà gốm code: 3635, Kích thước:D17xH 25 cm	Cái	78	10,5	Hải Phòng
	Bát gốm code:3656, Kích thước:D16,8 xH7,8 cm	Cái	65	9,1	Hải Phòng
Litva	Chậu gốm bộ 3 (h 52cm,h 44cm,h 36cm)	Bộ	36	64,3	Phước Long
	Chậu gốm bộ 4 (h 50cm,h 40cm,h 32cm,h 26cm)	Bộ	40	57,7	Phước Long
Macau	Chậu đất nung, bộ 3, kích thước 57x57x21, 42x42x14, 31x31x10 cm	Bộ	213	15,8	Transimex
	Khung ảnh trang trí bằng gốm (KT: 32.63cm x 20.9cm x 3.23cm)	Cái	400	10,3	Lạch Huyện
Mỹ	Chậu gốm-Ventana Planter , kích thước (80 x 80,55 x 60) cm,2pcs/sets	Bộ	4	165,9	Transimex
	Chậu gốm đất nung, 75*37, 60*27, 45*18 cm (1 SET = 3 PCE)	Bộ	10	153,1	Cát Lái
	Bình gốm (40x40x52cm)	Cái	329	35,7	Cát Lái
	Lọ hoa bằng sứ, KT: 19.6x19.6x38.3 cm	Cái	258	21,5	Hải Phòng
	Thú trang trí bằng gốm (45x45)cm	Cái	41	14,2	Cát Lái
Na Uy	Chậu gốm (Ceramic Ware), Size: 75X90 cm	Cái	5	131,1	Cát Lái
	Chậu gốm dùng để trồng cây (1 Bộ = 2 cái), Size: 44X50;34X40 cm	Bộ	144	46,4	Cát Lái
New Zealand	Chậu gốm trang trí bộ 3 (85x105)cm,(66x80)cm,(49x61)cm	Bộ	48	147,2	Cát Lái
	Bình gốm (70x80)cm	Cái	75	93,3	Cát Lái
	Thác nước bằng gốm bộ 2 (76x18)cm,(40x60)cm	Bộ	24	76,3	Cát Lái
Nhật Bản	Chậu gốm (50x70) cm	Cái	12	51,1	Cát Lái
	Chậu gốm Bộ 3 (50x40;40x30;30x20) cm	Bộ	40	41,8	Cát Lái
Pháp	Chậu gốm bộ 4 tròn (51*37; 39*28.5; 28.5*21; 20*15)cm	Bộ	136	50,4	Cát Lái
	Lọ hoa bằng sứ, KT: 8.7x8.7x33.5 cm	Cái	210	8,5	Hải Phòng
	Đồ trang trí bằng gốm hình bánh tròn (30*30)cm	Cái	432	8,4	Cát Lái
Philipin	Đĩa gốm bộ 4 cao 30cm đường kính 40cm	Bộ	100	6,5	Cát Lái
	Chậu gốm bộ 3 cao 60cm đường kính 50cm	Bộ	200	6,1	Cát Lái
Slovenia	Chậu gốm. 43*46, 30.5*35, 19.5*25 cm (1 SET = 3 PCE)	Bộ	96	26,7	Cát Lái
	Chậu gốm. 38*31, 30*26 cm (1 SET = 2 PCE)	Bộ	101	11,6	Cát Lái
Tây Ban Nha	Chậu đất nung bộ 6, kích thước 72X60 cm	Bộ	12	111,1	Cát Lái
	Chậu đất nung bộ 7, kích thước 83x70 cm	Bộ	12	87,6	Cát Lái
Thụy Điển	Chậu gốm bộ 4 tròn (38.5*35; 32.5*31.5; 26.5*26.5; 21*20.5)cm	Bộ	126	25,8	Phước Long
	Chậu gốm bộ 3 tròn (38*34; 30*27; 24.5*21.5)cm	Bộ	144	23,9	Phước Long
Thụy Sĩ	Chậu gốm (35x32+27x26+21x20 cm)	Bộ	1.260	18,7	Transimex
	Chậu đất nung ( 35x32+27x26+21x20 cm)	Bộ	540	15,1	Transimex

(Số liệu thống kê sơ bộ chỉ sử dụng để tham khảo)

## THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

### Quy mô thị trường đồ nội thất toàn cầu dự báo đạt 945,53 tỷ USD vào năm 2030

Theo nguồn prnewswire.com, quy mô thị trường đồ nội thất toàn cầu đạt 637,26 tỷ USD trong năm 2021, dự báo đạt 945,53 tỷ USD vào năm 2030, với tốc độ tăng trưởng bình quân 4,5%/năm trong giai đoạn 2022 – 2030.

Đồ nội thất chủ yếu là các sản phẩm nội thất có thể di chuyển, dễ sử dụng. Ngoài ra, các sản phẩm này cũng là yếu tố chính để trang trí nhà ở. Nội thất thông thường bao gồm các sản phẩm như bàn ghế, bàn học, giường tủ, tủ đựng quần áo. Các sản phẩm này được sản xuất bằng nhiều vật liệu khác nhau và có các thiết kế khác nhau. Sản phẩm nội thất được làm từ các vật liệu như: kim loại, nhựa, thủy tinh hoặc gỗ. Sự phát triển cơ sở hạ tầng đang diễn ra sôi động góp phần thúc đẩy nhu cầu đối với đồ nội thất trong khu dân cư và thương mại.

Sự tăng trưởng của ngành bất động sản và khách sạn thúc đẩy sự tăng trưởng của thị trường nội thất toàn cầu. Nhiều chính phủ trên toàn cầu đang tập trung phát triển bất động sản thông qua một số dự án thương mại và khu dân cư, nhằm thúc đẩy nền kinh tế và tạo ra nhu cầu về đồ nội thất. Bên cạnh đó, các yếu tố như nhu cầu về đồ nội thất cao cấp và sang trọng tăng do thu nhập khả dụng của người dân tăng và các khoản đầu tư của chính phủ đối với phát triển cơ sở hạ tầng đang thúc đẩy sự tăng trưởng của thị trường đồ nội thất toàn cầu.

Tuy nhiên, việc thiếu các phương tiện giao thông tốt hơn cùng với sự thiếu hụt lao động có tay nghề cao là những yếu tố sẽ kìm hãm sự tăng trưởng của thị trường đồ nội thất trong giai đoạn dự báo. Mặt khác, sự xuất hiện của đồ nội thất với đơn giá thấp từ các thị trường như Trung Quốc và Việt Nam tạo ra cơ hội tăng trưởng sinh lợi cho thị trường đồ nội thất. Ngoài ra, sự xuất hiện và gia tăng các sản phẩm đồ nội thất thông minh là cơ hội cho sự phát triển của thị trường đồ nội thất. Điển hình, theo International Data Corporation, các dự án thành phố thông minh trên toàn cầu được dự báo sẽ thu hút đầu tư công nghệ khoảng 158 tỷ USD vào năm 2022.

#### *Phân khúc sản phẩm, vật liệu, mục đích sử dụng, kênh phân phối, giá và địa lý*

Thị trường đồ nội thất toàn cầu được phân khúc thành các loại sản phẩm, loại vật liệu, mục đích sử dụng cuối cùng, kênh phân phối, phạm vi giá và địa lý. Dựa trên loại sản phẩm, thị trường được phân thành RTA và không RTA. Dựa trên loại sản phẩm, thị trường được phân khúc thành giường và nệm, ghế sofa và ghế bàn, thiết bị giải trí, thiết bị lưu trữ, bàn và bàn làm việc và đồ nội thất khác. Dựa trên loại vật liệu, thị trường được phân khúc thành nhựa, gỗ, melamine, thủy tinh, thép, bọc phủ, tấm panels, Lá hoàn thiện với bề mặt 3D (Finish Foil là một sơn mài trắng in Decor giấy tái tạo về ngoài bằng gỗ được sử dụng làm vật liệu bề mặt cho ngành công nghiệp đồ nội thất), laminates và tấm sơn mài.

Dựa theo mục đích sử dụng cuối cùng, chợ được phân loại thành khu dân cư và thương mại. Theo kênh phân phối, thị trường được phân khúc thành các trung tâm gia đình, cửa hàng hàng đầu, cửa hàng đặc sản, thương mại điện tử và các kênh phân phối khác. Theo phạm vi giá, thị trường được phân tích bao gồm đồ nội thất giá cao cấp, đồ nội thất giá trung bình và đồ nội thất giá rẻ. Phân tích địa lý của từng phân đoạn nói trên bao gồm các khu vực bao gồm Bắc Mỹ, Châu Âu, Châu Á Thái Bình Dương và các nước khác.

#### *Phân tích địa lý*

Bắc Mỹ hiện đang chiếm thị phần lớn nhất của thị trường đồ nội thất và dự kiến sẽ tiếp tục thống trị thị trường trong giai đoạn năm 2022 – 2030, do các yếu tố như việc sử

dụng ngày càng nhiều đồ nội thất thiết kế có kết cấu mới, cùng với khả năng chi tiêu cao và sự gia tăng trong lĩnh vực bất động sản sẽ thúc đẩy thị trường trong khu vực này.

Bên cạnh đó, Châu Á Thái Bình Dương được kỳ vọng sẽ phát triển đối với thị trường đồ nội thất do đầu tư vào trang trí nhà cửa và nội thất gia đình ngày càng tăng nhanh ở khu vực này. Ngoài ra, sự tập trung ngày càng tăng vào việc phát triển các công trình xây dựng dân cư và thay đổi lối sống dự kiến sẽ thúc đẩy tăng trưởng thị trường đồ nội thất tại khu vực này trong giai đoạn dự báo.

#### *Thị trường cạnh tranh*

Thị trường đồ nội thất bao gồm nhiều công ty khác nhau như Ashley Furniture Industries, Inc., Bassett Furniture Industries Inc, Herman Miller, Cymax Group Technologies Ltd., Inter Ikea Group, Kimball International, Inc., Godrej & Boyce Manufacturing Co., Ltd., Hooker Furniture, Kohler Company, HNI Corp., Steelcase Inc., KOKUYO, Home Depot, Inc., Herman Miller Inc., Bene GmbH, Dunn's Furniture, Knoll Inc., Durham Furniture, Krost Office Products, Haworth Inc., Masterbrand Cabinets, Meridian Office Group, La-Z-Boy Incorporated, và những công ty khác.

Các nhà sản xuất này đang tích cực áp dụng các sáng kiến R&D, đổi mới sản phẩm và công nghệ, hợp tác công nghiệp để nâng cao sản phẩm, tăng tốc độ tăng trưởng cũng như phạm vi tiếp cận địa lý. Ví dụ, vào tháng 01/2022, các ngành công nghiệp nội thất Ashley đã mua lại tài sản của bộ phận phía tây của Springfield, Wilson Logistics có trụ sở tại Missouri. Một chi nhánh của Ashley Distribution Services (ADS) đã liên kết thỏa thuận này để tăng cường giao hàng đồ nội thất và tạo ra một cuộc cạnh tranh gay gắt trên thị trường. Ngoài ra, vào tháng 10/2020, Herman Miller đã mở rộng dòng sản phẩm chơi game với sự ra mắt của Ghế Sayl Phiên bản Chơi game Đặc biệt, được thiết kế cho hiệu suất cao nhất và sự thoải mái tối ưu với sáu tùy chọn màu sắc biểu cảm mới thu hút các game thủ chơi trong bầu không khí phong cách.

## **Anh áp thuế bổ sung 35% đối với gỗ từ Nga và Bêlarút**

Theo nguồn ttf.co.uk, Anh áp mức thuế bổ sung 35% đối với tất cả gỗ và sản phẩm gỗ (cùng nhiều sản phẩm khác) có xuất xứ từ Nga và Bêlarút bắt đầu từ ngày 25/3/2022. Mức thuế bổ sung được áp dụng bao gồm tất cả các sản phẩm gỗ hiện đang phải chịu thuế như gỗ dán hoặc OSB và các sản phẩm gỗ không phải chịu thuế như gỗ tròn, gỗ xẻ và các sản phẩm gỗ chế biến bao gồm cả Glulam.

Hàng hóa của Nga và Bêlarút đã xuất khẩu được miễn trừ trước khi thuế bổ sung có hiệu lực vào ngày 25/3/2022. Hàng hóa phải hoàn thành thủ tục xuất khẩu của Nga hoặc Bêlarút và rời khỏi các lãnh thổ đó trước ngày 25/3/2022. Điều này có nghĩa là bất kỳ hàng hóa nào hiện đang ở châu Âu và chờ chuyển đến Anh sẽ được miễn thuế áp dụng bổ sung nếu có thể xuất trình bằng chứng đã hoàn thành các thủ tục xuất khẩu của Nga hoặc Bêlarút trước ngày 25/3/2022.

Đối với hàng hóa của Nga và Bêlarút xuất khẩu tới Anh thông qua EU, việc có thể sử dụng số REX để có thể khai báo hàng hóa có xuất xứ từ EU càng trở nên quan trọng hơn trong những trường hợp này.

Tuy nhiên, các quy tắc xuất xứ trong hiệp định Thương mại và Hợp tác của Anh và EU không phải lúc nào cũng cho phép hàng hóa đến qua EU được khai báo là có xuất xứ từ EU. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào loại hình và trị giá chế biến sản phẩm được thực hiện ở EU. Đặc biệt quan trọng đối với các sản phẩm như gỗ xẻ vì trước đây sản phẩm gỗ xẻ được miễn thuế bất kể là đến trực tiếp từ Nga và Bêlarút hay qua EU.

Nếu quá trình xử lý đầy đủ đã được thực hiện đối với những hàng hóa gỗ xẻ để cho phép nhà sản xuất ở EU thêm số REX vào hóa đơn, thì quá trình thông qua hải quan Anh sẽ trở nên dễ dàng. Tuy nhiên, nếu chỉ thực hiện quy trình gia công tối thiểu và không thể

xác nhận chính đáng nguồn gốc xuất xứ từ EU thì hàng hóa phải được khai báo tại hải quan Anh, Nga và Bêlarút sẽ phải chứng minh các sản phẩm này đã xuất khẩu trước ngày 25/3/2022.

## **THAM KHẢO**

### **Bộ Công Thương ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng vệ thương mại trong Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực**

Theo Cục phòng vệ Thương mại – Bộ Công Thương, quy định về lĩnh vực phòng vệ thương mại trong Hiệp định RCEP được nêu tại Chương 7, trong đó có một số vấn đề kỹ thuật phức tạp như quy định cấm áp dụng phương pháp tính toán quy về 0 (zeroing), nghĩa vụ công bố các dữ kiện trọng yếu và xử lý thông tin mật trong điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp và các cam kết cụ thể về biện pháp tự vệ RCEP chuyển tiếp.

Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) được 10 quốc gia thành viên ASEAN và 05 nước đối tác là Australia, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và New Zealand ký vào ngày 15/11/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2022. Hiệp định RCEP tạo nên một thị trường rộng lớn với quy mô 2,2 tỷ người tiêu dùng, chiếm khoảng 30% dân số thế giới và GDP lên tới 26.200 tỷ USD (tương đương 30% GDP toàn cầu). RCEP sẽ loại bỏ ít nhất 92% dòng thuế nhập khẩu giữa các quốc gia ký kết trong vòng 20 năm, thiết lập các quy tắc chung cho thương mại điện tử, thương mại hàng hóa và quyền sở hữu trí tuệ.

Năm 2021, Việt Nam xuất khẩu sang các nước RCEP đạt 132,32 tỷ USD, tăng khoảng 16% so với năm 2020 và nhập khẩu 238,5 tỷ USD, tăng 28% so với năm 2020. Theo dự báo của Ngân hàng Thế giới, sau khi RCEP có hiệu lực, Việt Nam sẽ là nước có mức tăng trưởng thương mại và thu nhập cao nhất trong số các thành viên của Hiệp định. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực mà Hiệp định mang lại, Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều thách thức như nhập siêu từ khối này còn lớn (đặc biệt là từ Trung Quốc, Hàn Quốc và ASEAN), khả năng hàng hóa xuất khẩu bị áp dụng biện pháp PVTM và các rào cản kỹ thuật khác.

Cho đến nay, Việt Nam đã chịu 93 biện pháp phòng vệ thương mại do các thành viên RCEP điều tra, tác động đến các ngành hàng như thép, sợi, gỗ, ... Ở chiều ngược lại, Việt Nam cũng đã điều tra 23 vụ việc phòng vệ thương mại đối với các nước RCEP, chủ yếu trong các ngành kim loại, sợi, chất tạo ngọt...

Quy định về lĩnh vực phòng vệ thương mại trong Hiệp định RCEP được nêu tại Chương 7, trong đó có một số vấn đề kỹ thuật phức tạp như quy định cấm áp dụng phương pháp tính toán quy về 0 (zeroing), nghĩa vụ công bố các dữ kiện trọng yếu và xử lý thông tin mật trong điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp và các cam kết cụ thể về biện pháp tự vệ RCEP chuyển tiếp.

Để triển khai các quy định này, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tận dụng các ưu đãi của Hiệp định cũng như chủ động bảo vệ sản xuất trong nước trong quá trình thực thi, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư 07/2022/TT-BCT ngày 23/3/2022 hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng vệ thương mại trong Hiệp định RCEP. Thông tư số 07/2022/TT-BCT gồm 04 Chương 15 Điều.

Trong thời gian tới, Cục Phòng vệ Thương mại sẽ phối hợp với các hiệp hội và địa phương phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp hiểu rõ các quy định về phòng vệ thương mại trong Hiệp định RCEP và Thông tư số 07/2022/TT-BCT nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của mình trong quá trình tham gia Hiệp định.

Nội dung Thông tư số 07/2022/TT-BCT ngày 23/3/2022 hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng vệ thương mại trong Hiệp định RCEP.

## **Hướng dẫn mới nhất của Bộ Tài chính về giảm thuế giá trị gia tăng**

Bộ Tài chính vừa có Văn bản số 2688/BTC-TCT gửi Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn chi tiết về thuế giá trị gia tăng (GTGT) tại Nghị định số 15/2022/NĐ-CP.

Theo đó, Văn bản số 2688/BTC-TCT ngày 23/3/2022 của Bộ Tài chính nêu rõ, để đảm bảo thực hiện thống nhất nội dung Nghị định số 15/2022/NĐ-CP quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/1/2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Bộ Tài chính cho biết, về các nhóm hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế GTGT, theo khoản 1 Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP thì Nghị định này loại trừ các nhóm hàng hóa, dịch vụ cụ thể không được giảm thuế và được chi tiết tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP.

Các cục thuế hướng dẫn người nộp thuế đối chiếu hàng hóa, dịch vụ mà người nộp thuế sản xuất, kinh doanh với các nhóm hàng hóa, dịch vụ loại trừ không được giảm thuế tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP và Danh mục hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP để thực hiện đúng quy định.

Thời điểm lập hóa đơn thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP, Điều 8 Thông tư số 219/2013/TT-BTC, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC, Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

Trên cơ sở các quy định trên, Bộ Tài chính cho biết, trường hợp cơ sở kinh doanh ký hợp đồng cung cấp dịch vụ có thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ, đã lập hóa đơn tại thời điểm thu tiền trước ngày 1/2/2022 với thuế suất 10% nhưng dịch vụ hoàn thành trong thời gian từ ngày 1/2/2022 đến hết ngày 31/12/2022 thì đối với phần tiền đã lập hóa đơn trước ngày 1/2/2022 không thuộc trường hợp được áp dụng chính sách giảm thuế GTGT.

Đối với phần tiền còn lại chưa thanh toán, được lập hóa đơn từ ngày 1/2/2022 đến hết ngày 31/12/2022 theo quy định của pháp luật thì được áp dụng chính sách giảm thuế GTGT.

Trường hợp cơ sở kinh doanh cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc mức thuế suất 10% trong tháng 1/2022 nhưng đến tháng 2/2022 cơ sở kinh doanh mới lập hóa đơn đối với doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong tháng 1/2022 thì thuộc trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm và không thuộc đối tượng giảm thuế GTGT.

Đối với các hóa đơn đã lập trước ngày 1/2/2022 với thuế suất thuế GTGT 10%, sau ngày 1/2/2022 phát sinh các nội dung sai sót cần điều chỉnh về tiền hàng, thuế GTGT hoặc trả lại hàng thì hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn trả lại hàng được lập với thuế suất thuế GTGT là 10%.

Đối với hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ đặc thù như cung cấp điện, cơ sở kinh doanh được giảm thuế GTGT theo quy định đối với các hóa đơn lập từ ngày 1/2/2022 đến hết ngày 31/12/2022.

Bản tin Thông tin Thương mại chuyên ngành **Sản phẩm gỗ & Hàng TCMN**

Giấy phép xuất bản: **45/GP-XBBT** do Cục Báo chí cấp ngày 19 tháng 8 năm 2021

Kỳ hạn xuất bản: **Hàng tuần**

In tại: **Hà Nội**